



SỐ 167

tuyển tập : tiểu luận, truyện dịch
đoản văn, thơ, tùy bút, bút ký



Akutagawa Ryunosuke - Vũ Thư Thanh
Lỗ Tấn - Phan Khôi - Nguyễn Văn Xung
Vũ Bằng - Dương Nghiễm Mậu - Nguyễn
Xuân Hoàng - Bửu Ý - Mai Trung Tĩnh
Bùi Giáng - Du Tử Lê - Huy Lực
Thư Trung - Nguyễn Mạnh Côn - Lý Minh

tập san VĂN số 167



Paris * 02.2025

Bìa: "Thương nhớ mười hai"
tranh : Ngọc Dũng
Nguồn: Thư viện Tiểu Lùn

tập san VĂN

số 167

Tập san Văn * Năm thứ bảy
Số 167 ra ngày 01-12-1970

Độc trong số này

1. Nguyễn Văn Xung 11
Phạm Thái, một bộ diện đặc biệt
trong văn học cuối Lê – đầu Nguyễn
2. Akutagawa Ryunosuke 65
La sinh môn - Vũ Thư Thanh dịch
3. Bùi Giáng 88
Chủ nhật, Thứ hai, Thứ ba - Thơ
4. Vũ Bằng 90
Thương nhớ Mười hai * Tháng Giêng,
mơ về trăng non rét ngọt
5. Du Tử Lê 120
Lúc người chết – Thơ

6. Dương Nghiễm Mậu	124
Như kẻ truy lòng	
7. Huy Lực	150
Ảo ảnh ; Đêm tiền đồn – Thơ	
8. Nguyễn Xuân Hoàng	152
Cái bọt tắm	
9. Mai Trung Tĩnh	165
Gã mang bấu trong mùa địa ngục	
10. Bửu Ý	169
Người đàn bà áo trắng	
11. Lý Minh	191
Thơ lục bát	
12. Nguyễn Đình Toàn	194
Tro than – truyện dài (tiếp theo)	
13. Phan Khôi	209
Giải đáp thắc mắc : “Nói về hàm râu”	



Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm
Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số 64/
BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình
Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông Trần
Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia Tuấn
(phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VÂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

NGUYỄN VĂN XUNG

**Phạm Thái, một bộ diện đặc biệt
trong văn học cuối Lê – đầu Nguyễn**

Văn học cuối Lê – đầu Nguyễn chứng kiến vóc dáng lạ thường của một thanh niên nho sĩ đã sống rất cần mẫn và đầy đủ cuộc đời của mình. Ông đã có những say mê cao cả : vừa mê mộng lớn vừa mê người đẹp, say hồ hải cũng như say thơ ; là tráng sĩ mà mặc áo thiền sư để rồi lại tự do uống rượu và nắn nét viết thư tình. Ông đã vừa làm lịch sử vừa làm văn chương bằng cách

biến tự truyện của mình thành thơ và tiểu thuyết. Con người đó là Phạm Thái, tức Phạm Phụng, hõn danh là Chiêu Lý¹.

1. Phạm Thái, hiện thân của những đam mê cao cả

Say mê là đặc tính của những người có tâm hồn cao cả với những khát vọng lớn lao, những hoài bão to rộng, và khi đã quyết dẫn mình vào một công việc, thì đem hết tâm lực ra dâng hiến cho công cuộc mình đang theo đuổi. Phạm Thái là một Trong những tâm hồn cao cả đó : Ông đã say mê giấc mộng anh hùng của thời đại cũng như say mê tình ái và say mê giang hồ.

Sau hết, để quên lãng bao nhiêu tuyệt vọng u uất gây ra bởi ba cái say mê kể

¹ Ghi chú này, xin xem nơi cuối bài.

trên, ông đã đắm chìm quăng đời vô nghĩa còn lại của ông trong men rượu. Như vậy, ta có thể bảo rằng rượu là sự say mê cùng chót của cuộc đời ngắn ngủi mà nhiều bất hạnh của ông.

1. PHẠM THÁI SAY MÊ GIẤC MỘNG ANH HÙNG CỦA THỜI ĐẠI :

Phạm Thái ra đời đúng hai thế kỷ rưỡi sau khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê (1527) gây nên cuộc chiến tranh tương tàn kéo dài ngót ba trăm năm. Trong thời gian đó, bao nhiêu bậc anh hùng đã có môi trường để xuất hiện, bao nhiêu nghĩa sĩ đã có cơ hội để lập công; từ một Nguyễn Kim trung hưng nhà Lê, một Trịnh Kiểm khai sáng sự nghiệp cho họ Trịnh ở đất Bắc cũng như Nguyễn Hoàng cho họ Nguyễn ở

phương Nam, cho đến bao nhiêu kẻ lục lâm giang hồ khác, mỗi người cát cứ một địa phương mưu đồ nghiệp lớn mỗi khi chính quyền trung ương suy yếu hoặc thất thủ kinh đô, như Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyên, Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương, Hoàng Công Chất... Thậm chí có người như Đào Duy Từ vì dòng dõi xướng ca nên không được phép tiến thân, phải vượt núi băng ngàn vào Nam giúp chúa Nguyễn gây dựng cơ đồ, đắp nên Định Bắc Trường Thành, lưu danh hậu thế. Gần nhất, có tấm gương chói sáng bậc anh hùng Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh, dự trù kế hoạch xâm chiếm Trung hoa, thu hồi lương Quảng. Phạm Thái lớn trong cái bầu không khí bùng bùng nghĩa dũng đỏ. Ông vốn là dòng dõi thần tử Lê triều, nên đã hăng hái đứng lên thực hiện giấc mộng Cần vương. Ông đã bỏ cả tuổi hoa niên để

theo đuổi sự nghiệp Hưng Lê; và đã trở nên một đảng viên trọng yếu của đảng Lê Thần, kế tục công cuộc chống Tây Sơn của phụ thân và các bậc tiền bối ; Phạm Đình Đạt, Dương Đình Tuấn, Trần Quang Châu... cho đến khi Nguyễn Ánh hoàn toàn tiêu diệt nhà Tây Sơn, thống nhất đất nước. Chúng ta chỉ cần đọc mấy câu thơ hiên ngang và ngạo nghễ sau đây trong “Sơ Kính Tân Trang” là đủ thấy cái hùng khí bất khuất của người thanh niên tráng sĩ, cùng cái say mê sự nghiệp anh hào của Phạm Thái :

Cầm gan tóc dựng đứng lên,

Tuốt gươm chém án ngâm thiên ca rằng:

Làm trai cho thỏa chí trai,

Trong trần ai chớ lụy ai tâm thương.

Bốn phương hồ thử dậy vang,

Nhảy từng đào lãng, bắc thang vân cù.

Tu mi tỏ mặt trượng phu,

Dem trung hiếu để trả thù non sông.

Anh hùng ấy mới anh hùng,

Thân nhàn há sá học đồng thiếu niên.

Cũng như ông đã từng ca ngợi cái chí oanh liệt của phụ thân ông, cho dù đã thất bại:

Phạm công ra sức Cần vương,

*Giang sơn một gánh, cang thường hai
vai.*

Chí toan thay đổi cuộc đời,

Lòng trời là thế, dễ người cho xong !

và lòng trung nghĩa của Trương công, thân phụ Trương Quỳnh Như :

*Trưởng công gặp lúc gian truân,
Một niềm ái quốc trung quân chẳng dời.*

*Phù nguy rắp tỏ chí trai,
Những thì người dễ đem trời lại ra ?*

Cũng như khi đề bia mộ² Thanh
Xuyên Hầu, con trai Trương công, anh
ruột Trương Quỳnh Như, ông viết :

*Nặng tìm một gánh giang san,
Nghiến răng chí sĩ, căm gan anh hùng.*

*Bắc viên mấy lúc ruổi rong,
Múa gươm liệt nhật, chuốt đồng nghiêm
sương.*

*Ra tay nặng sức Cần vương.
Căm giòng quyết chí, chống đường tỏ
danh.*

2 Bản bi ký này viết bằng Hán văn, không biết do chính tác giả hay ai dịch lại. Đây là trích theo “Phổ Chiêu Thiên Sư Thi Văn Tập” của Sở Cuồng.

2.- PHẠM THÁI SAY MÊ TÌNH ÁI

:

Phong trào Cần Lê của ông đang hồi tan rã trước uy lực của nhà Tây Sơn. Trên con đường phiêu du để kết nạp đồng chí, Phạm Thái đã gặp một đối tượng say mê khác: Ái tình. Tâm hồn ông lại có dịp hiến dâng trọn vẹn cho một thần tượng mới, gây nên một khúc quanh quyết định cho văn nghiệp cũng như cuộc đời ông. Mỗi duyên kỳ ngộ giữa tài tử và giai nhân thật đã vô cùng thơ mộng. Giai nhân là người tài tình gồm đủ còn tài tử là một công tử vừa là tráng sĩ vừa là thi nhân. Cuộc gặp gỡ lại ra đúng vào lúc Phạm Thái đương hồi lỡ vận, việc lớn không thành, đồng chí tản mác người một nơi, những người có đôi chút tiếng tăm là nghĩa khí thì toàn là hạng vô dụng tầm thường chỉ

biết có cầu an và hưởng lạc. Tình thế khó khăn, cơ trời khôn chuyển, ông bèn đắm hồn vào thế giới gấm hoa của tình ái để mong tìm một chút ngòi ngoai. Chắc hẳn không phải là ông không còn chút chí khí nào nữa trong việc mưu đồ việc lớn ; trước sắc đẹp của nàng, ông tự nhủ lòng hãy tạm :

Xếp nghề vũ lại để bên trường tình

Nhưng bản chất say mê, Phạm Thái đã dâng hết tâm hồn mình cho người đẹp, không một chút đắn đo, gìn giữ :

Kể từ ngày tha hương gặp gỡ

Chữ chung tình để nợ cho nhau

Ái ân mấy nổi xưa sau

Lời vàng đá ấy, dễ hầu đơn sai.

Mối tình ngày càng trở nên sâu đậm,

khôn nữ dứt rời. Nhưng vì muốn bảo vệ gia phong cho người thiếu nữ, vả lại tự nghĩ không có quyền bỏ dở chí trai, cho nên ông phải đành lòng giã từ mái nhà ân ái để lại dẫn thân vào kiếp sống phiêu bồng nhiều nguy hiểm.

Trong khi đó, thì mẫu thân nàng lại ép duyên nàng với người khác. Không muốn phụ mối tình cao đẹp của người thi nhân tráng sĩ, Quỳnh Như đã không ngần ngại tự hủy đời mình. Đau đớn cho ông biết bao nhiêu khi được tin sét đánh :

“Ta hăm hờ chí trai hồ thỉ, bởi đợi tình cho nấn nả nhân duyên ;

Nàng long đong phận gái liễu bồ, vì giận phận hóa ngang tàng tinh mệnh.”

Một lần nữa tâm hồn say mê của ông lại nếm trải thêm một niềm thất vọng

chưa xót. Lần này, nỗi thất vọng cơ hồ đã trở nên tuyệt vọng. Bài văn khỏc Trương Quỳnh Như và hai bài thơ Đường luật điệu nàng là những tiếng kêu thương bi thiết và chân thành, là hiện thân của nỗi khổ đau nóng sốt, không hề vướng gợn một chút kỹ thuật văn chương :

“Nương tử ơi !

Căn chướng ấy bởi vì đâu ? Oan thác ấy bởi vì đâu ?

Cho đến nỗi :

Xuân tàn hoa nộ, thu lẫn trăng rằm

Lại có điều đau đớn thế !

Nhà huyền vì có năm có bảy, mà riêng một mình nàng đeo phận bạc, thì lửa nguội ước vơi còn có lẽ.

Thương hại thay :

Hoa có một cành, tuyết có một
quãng ; trăng có một vành, mây có một
đóa. Thân là thân hiếm hoi đường ấy, nữ
nào lấy đôi mươi làm một kiếp, mà ngơm
ngóp chốn non Bồng nước Nhược, đỉnh
gì không đoái cảnh phù sinh!

Ví dù kiếp tiên mà thù với tục, thì
xưa kia vâng lệnh xuống trần chi ? Nay
đã nguyện thân này cho vẹn kiếp, thì
cũng trọn ba vạn sáu ngàn ngày cho đủ
lệ : nọ xuân huyên, kia phu tử ; góp với
trần gian không chút bận, rồi sẽ rong
chơi chín tuổi, có gì riêng bỗng vội vàng
chi ?

Ôi !

Chữ mệnh hẹp hòi, chữ duyên sống
sã

Những như thân giá ấy, ngược xuôi

kia cũng ngậm ngùi cho.

Huống ta cùng nường tử, tuy chẳng thân kia thích nợ, nhưng tình duyên là chùng ấy, cũng là một chút cương thường.

Dẫu rằng kẻ đẩy người đây, song ân ái bấy lâu nay, đã bao nhiêu tâm sự ?

.

Trời xanh cao thăm mấy từng khơi,
Nỡ để duyên ai luống thiệt thòi
Buồn đốt lò vàng, hương nhạt khói
Sầu châm chén ngọc, rượu chìm hơi
Lầu tây nguyệt gác, mây lồng bóng
Ai bắc hồng bay, bể tuyệt vời
Một mối chung tình tan mấy mảnh

Suối vàng ai nhảu hộ đôi lời !

Oanh ru bên trướng giấc hoa nồng

Say tỉnh hồn ai nhớ lại mong

Non nước mơ màng hồn khách lữ

Mây mưa phảng phất đỉnh Vu-phong

Quyên về viễn phổ, hoa rầu rĩ

Nhạn tếp Hành dương, nguyệt nào
nùng

Đàn tiếng ly loan tay ngại gảy

Mối sầu ai gỡ hộ cho xong ?

Mối sầu đó, thời gian sau này dù
có làm cho phần nào khuây nguôi,
nhưng vẫn còn để lại một nỗi niềm nhớ

nhưng triển miên vương vấn :

Đưa lời cho tới cung mây,

Sầu này xin gởi cho đây với cùng

Túi thơ hồng trách ai xe mỗi

Đến nửa chừng bỗng nói dần ra

Cầm vì một ả trắng già

Trêu người chi mãi chẳng tha thể này!

3.- PHẠM THÁI SAY MÊ GIANG HỒ.

Không những chỉ là một tráng sĩ say mê nghiệp lớn một thi sĩ si tình, Phạm Thái còn là một gã lãng tử đã từng mê giấc mơ hồ hải. Gót chân phiêu du của ông đã từng để dấu ở hầu khắp các tỉnh miền Thượng du và Trung du Bắc Việt, ở

các biên trấn xa xôi như Lạng Sơn ở Tây Bắc và Thanh Hóa Bắc Trung-phần nữa :

Trải qua Dục thúy, Thần phù

Kìa cung Dáng hạc, nọ chùa Ngự-loan

Sáng Bích động, tối Tràng an

Có đền Nhị đế, có hang Cửu tăng.

Lên Kỳ Lão, xuống dân dân

*Nghe đồn Hương tích lắm phần thanh
cao.*

Từ đền Hùng Vương non cao, từ vùng Quỳnh Lâm xa tít, đến non cùng Yên Tử, tới động Thành Công chông chênh v.v., không nơi nào là không có dấu chân ông.

“Thôi đường bộ lại ra khơi”, Phạm

Thái cũng đã từng “thảnh thơi giang hồ”
nhiều phen trên sóng nước :

Đây là cảnh bể Đồ Sơn với :

*Thuyền câu chống mái thuyền giông
ca về*

Đùn đùn khói núi phủ che...

Kìa là bến “Vạn Ninh mù mù”, với
tàu bè “mành đã chen vai”. Người ta rất
vui sướng mà hình dung con người thi
nhân lãng tử là Phạm Thái mang theo
cùng với tay nải hành trang gọn nhẹ một
ít tâm tư chí sĩ và rất nhiều tâm tình nghệ
sĩ :

Trải qua khắp hết non sông

Đến đâu cảnh trí, ấy vùng phong lưu

Cầm vui thú, họa say màu

Mười bài thơ Lã, một bầu rượu Tô.

Cũng như dáng vẻ tiên phong đạo
cốt của Thụy Châu khi cải dạng làm đạo
sĩ để tiêu dao tháng ngày:

*Mấy miền non thẳm, mấy vùng sông
khơi*

Thích tình ngoạn thưởng qua chơi,

*Mấy miền cảnh thú, ấy nơi ngâm
bình.*

Với những cảnh thú tuyệt vời :

Ca chim đàn suối phách rừng

Chiếu mây rải đá, đèn trăng treo tùng

Và với những cảnh tượng muôn màu
đổi thay của non nước:

Thênh thênh thuyền bách nhẹ nhàng

Nước xanh lần chở, gió vàng thẳng đưa

*Kìa đâu chiều sớm chợ trưa,
Chày boong boong nện, khói mờ mờ bay.
Kìa đâu doanh nguyệt am mây,
Cô giong chỉ thắm, chị lay đoá vàng.
Kìa đâu bãi gió ngàn sương,
Cây pha tuyết bạc, địch đàn cỏ xanh,
Kìa đâu hoa phố liễu doanh,
Tiếng vang công cổ, vẻ kinh thế thần.*

Trên những nẻo đường phiêu bồng
mây nước đó, thỉnh thoảng khách giang
hồ lũ thú cũng may mắn gặp người đồng
điệu mà hình ảnh đã được tác giả ghi lại
bằng những nét bút thật là bất ngờ :

*Có người nhàn tựa cô chu
Nghĩ tình cũng khách giang hồ qua chơi*

Cuộc đời giang hồ tuy có đem lại nhiều kỳ thú, nhưng không tránh khỏi những cảnh cô đơn buồn bã của người khách lữ trong cái bất định của ngày mai:

Sớm Ngô tối Sở dẫu vui vậy,

Rày Tấn mai Tần dễ biết đâu !

Say mê giang hồ, đối với Phạm Thái chỉ là một phương tiện phung phí tất cả cái nguồn sinh lực tràn trề của tâm hồn ông, một tâm hồn quá nhiều hoài bão, thừa mứa huyết tính của người trai thời loạn chưa tìm được đủ chỗ để tiêu thụ cho hết cái chí khí hăng say vùng vẫy của mình.

4.- RƯỢU

Thất vọng trong công cuộc mưu đồ

ngiệp lớn, tuyệt vọng trong tình yêu, cô đơn trong sự lang thang của người gi-gang hồ lãng tử, Phạm Thái chỉ còn biết đi tìm lãng quên trong men rượu. Rượu càng uống nhiều, cái hùng khí của người tráng sĩ càng chìm vào trong tâm tư sâu thẳm, nỗi đau khổ của người si tình tuyệt vọng càng trở nên thiết tha và cô đọng, ông càng trở nên ít nói, lầm lỳ. Bây giờ thì rượu không còn là một thứ để mua vui như thuở thanh xuân, khi còn đối ẩm với Kiến Xuyên Hầu Trương Đăng Quỹ nữa :

Có rượu có thơ xuân có mãi

Trăm năm ba vạn sáu thiếu quang.

Rượu giờ đây đã trở nên một phương tiện cần thiết để giúp ông xóa nhòa bao đau thương sau những tan vỡ của giấc mộng xưa, của mối tình cũ. Sự bết be

bê bối đó có công dụng làm ông nguôi
khuây thế sự và có đủ can đảm sống nốt
quãng đời thừa :

Tranh vờn sơn thủy màu nhem nhuộm

Bầu dốc càn khôn giọng hét be

Miễn được ngày nào cho sướng kiếp

Sống thì nuôi lấy chết chôn đi.

hoặc :

Năm bảy năm nay những loạn ly,

Cũng thì duyên phận cũng thì thì

Ba mươi tuổi lẻ là bao nã ?

Năm sáu đời vua khéo chóng ghê

Mấy tập thơ dày ngâm sáng sáng

Vài be rượu kếp ních tì tì

Chết về tiên bụt cho xong kiếp

Đù ỏ trần gian sống mãi chi ?

Cái giọng thơ chửi đời thô cộc đó
chúng tỏ một tâm trạng chán sống đến
cùng cực.

Nhưng đến bài thơ yết hậu sau đây
mới thật sự là bất cần đời :

Sống ở dương gian đánh chén nhè

Thác về âm phủ cấp kè kè,

Diêm vương phán hỏi rằng : Chi đó ?

– Be !

Rượu là nguồn an ủi cuối cùng cho
cái tâm hồn nghệ sĩ mang nhiều say mê
và gặp toàn thất bại ấy. Có lẽ Khái Hưng
đã có lý khi kết thúc cho truyện dài “Tiêu
Sơn Tráng sĩ” của ông, quyển truyện có

mục đích tiểu thuyết hóa cuộc đời Phạm Thái – ông đã để cho nhân vật chính này của tác phẩm vừa đưa hồ rượu lên môi vừa nói với theo những người khách lạ đi đường :

– Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy một hồ rượu ; chí lớn trong thiên hạ không chứa đầy một đôi mắt mỹ nhân.

II. Tráng sĩ khoác áo thiền sư

Nhà học giả Sở Cuồng Lê Dư quả đã lầm lẫn khi ông mệnh danh thi văn tập của Phạm Thái là “Phổ Chiêu Thiền Sư Thi Văn Tập”. Sự thực, ngoài việc là một thi sĩ lãng mạn và trữ tình, một khách giang hồ đấng tử, Phạm Thái chỉ là một nghĩa sĩ khoác áo thiền sư để dễ bề hoạt động. Triều Tây Sơn đã đặt lệ kiểm tra

dân chúng bằng tín bài, duy các nhà tu hành được miễn, do lệ các triều trước để lại. Đó là lý do duy nhất của việc xuống tóc và mặc áo cà sa của ông. Đành rằng ông phải đóng cho trọn tròn do ông tự sắm, nghĩa là phải tụng kinh gõ mõ và viết ra nhiều bài phả khuyến. Nhưng sự thông tuệ đặc biệt cùng cái học uyên bác của ông đã giúp ông am hiểu mau lẹ các kinh sách nhà Phật, vì thế mà các bài phả khuyến của ông chẳng thua bất cứ một thiền sư chân chính nào đã có nhiều công phu nghiên cứu thiền học. Điều này không lạ : ngay cả các ngành tử vi tướng số ông cũng lâu thông. Chỉ cần đọc qua “Sơ Kính Tân Trang” và nhất là bài “Chiến tụng Tây hồ Phú” là thấy rõ cái học văn uyên bác của ông.

Phạm Thái là một tráng sĩ cố giấu cái hùng khí múa gươm yên ngựa của mình

dưới cái phong thái trì trọng từ bi của kẻ tu hành chân chỉ. Trong “Sơ Kính Tân Trang”, ông đã từng nói đến chí hướng hưng Lê của phụ thân ; cuộc mưu đồ đó đã thất bại cũng như ông sẽ thất bại sau này, nhưng cái ý chí ngạo nghễ, cái tư thế kiêu hùng vẫn còn ngùn ngụt qua nét bút ngang tàng của ông như ta đã thấy ở trước :

Cắm gan tóc dựng đứng lên

Vung gươm chém án ngâm thiên ca rằng

.

Anh hùng ấy mới anh hùng

Thân nhàn há sá học đồng thiếu niên...

Phạm Thái chưa hề là một thiền sư: uống rượu và viết thư tình, hai điều giới cấm rất quan trọng của Phật giáo đó lại

là những cái thú sở trường của ông. Thật vậy, không thể là lời của một thiền sư những câu thơ tha thiết và ủy mị như những câu sau đây :

Ai lên Tử các thanh vân

Hỏi thăm ả Tổ chiều xuân thế nào ?

Cầm âm một khúc gởi trao,

Cây lời gì gió đưa vào xuân cung.

Hãy nghe ông chót nhả giễu cợt một sư nữ trẻ đẹp :

Nam vô có thấu chăng chường

Chẳng cho thành Phật thì nhường để ai ?

Và sau đây là lời trêu ghẹo một ni cô có nhan sắc, giọng điệu đầy vẻ trần tục :

Ồi nao ôi khổ tu hành,

Biết Tây phương có dáng hình này không

Tu cho vẹn kiếp trần hồng

Kẻ già nũa trách nào lòng từ bi

Hoa tàn nước chảy một khi

Bấy giờ chưa hẳn lại thì này đâu.

Phạm Thái trước sau vẫn là một thi sĩ lãng mạn, một tráng sĩ mê say hoạt động, một thanh niên lòng đầy trần nhiệt, nhất quyết không thể là một thiền sư chân chính được.

III. Một tự truyện tiểu thuyết hóa

Viết “Sơ Kính Tân Trang”, Phạm Thái không mượn đề tài trong lịch sử hay trong các truyện Tàu như phần nhiều các tác giả khác. Và có lẽ ông đã không

sáng tác nên quyển tiểu thuyết trữ tình này nếu ông không sống thật sâu đậm những tâm trạng của nhân vật chính trong tác phẩm đó. Nói như thế có nghĩa là Phạm Thái không là một nhà viết tiểu thuyết và ông không cố ý sáng tác trong bộ môn này : “Sơ Kính Tân Trang” chỉ là một thiên hồi kỳ bi thống của một mối tình lớn trong cuộc đời ông, dựa trên bối cảnh thiên nhiên của đất nước, trong thời đại rối ren mà ông đã sống, cùng với những cảnh tượng hoặc bi đát, hoặc khôi hài của xã hội miền Bắc Việt nam dưới triều vua Cảnh Thịnh nhà Tây Sơn. Chất liệu mà ông đã dùng để dựng nên tác phẩm này là chính nỗi đau khổ của tâm hồn ông, là sự thất bại sau cùng và lớn lao nhất trong cuộc đời nhiều hoài bão, nhiều say mê của người thanh niên nhiều huyết tính đó. Phạm Thái là đời khi ông còn rất trẻ, vào lúc mới 37

tuổi. Ông sống trọn tuổi thanh niên của ông trong một giai đoạn lịch sử có rất nhiều chuyện để người thanh niên phải làm. Thế mà trong những năm chót, ông đã tỏ ra chán nản cuộc sống đó biết bao nhiêu :

Chết về tiên bụt cho xong kiếp

Đù ỏ trên gian sống mãi chi ?

Như thế là vì ông đã dâng cả tuổi hoa niên của ông cho một sự nghiệp lớn và cho một mối tình lớn. Ông đã sống thật hào hùng và thật đẹp. Cuộc đời của ông dù cho ngắn ngủi cũng xứng đáng được ông ghi lại, và ông đã viết quyền tiểu thuyết của đời ông trong “Sơ Kính Tân Trang” không phải với thái độ khách quan của nhà viết tiểu thuyết nhiều tưởng tượng, mà với tâm tình của một con người viết hồi ký có lương tâm đã

siêng năng sống lại một lần nữa cái dĩ vãng đau khổ của đời mình.

“Sơ Kính Tân Trang” chỉ là một tự truyện, một tự truyện được tiểu thuyết hóa. Có điều là tiểu thuyết hóa ở đây không đồng nghĩa với “thi vị hóa” : ông không cần phải thi vị hóa cuộc đời ông làm gì, vì tự nó đã có quá đầy đủ những tinh chất thi vị rồi. Ngược lại, ông lại còn cố tình không nói đến cuộc đời hoạt động Cần vương của ông nữa trong tác phẩm này. Đọc lại toàn truyện, người ta chỉ thấy ông nói đến phụ thân ông là Trạch Trung Hầu với bốn câu ngắn ngủi kể lại công cuộc khởi nghĩa đã thất bại trong việc Cần vương như đã dẫn ở trước :

Phạm công ra sức Cần vương

.

Và Trương công, tức Kiến Xuyên Hầu
Trương Đăng Quỹ phụ thân của Trương
Quỳnh Như, cũng từng ấy chữ:

Trương công gặp lúc gian truân

Một niềm ái quốc trung quân chẳng dời

.

Riêng về phần ông, ông chỉ mô tả
chí hướng của ông trong những vần thơ
đậm nét ở đầu truyện, như đã từng dẫn :

Cầm gan tóc dựng đứng lên,

Tuốt gươm chém án ngâm thiên ca rằng

.

Rồi thôi, người ta không hề thấy ông
đả động gì đến những hoạt động anh
hùng của ông một lần nào nữa. Tại sao
lại có sự im lặng đáng lạ lùng đó ? Tác

phẩm này viết ra năm 1804, tức là năm Gia Long lên ngôi đã ba năm rồi, nhà Tây Sơn đã hoàn toàn bị tiêu diệt, và toàn bộ đất Bắc hà đã hoàn toàn bình định, thì công cuộc Cần Lê kháng Tây-Sơn đã trở thành chuyện cũ, tưởng không còn phải e sợ gì nhà đương cuộc mà không tiện nói ra. Hơn nữa, Vua Gia Long vốn là người khôn khéo, muốn mua chuộc — và trong thâm tâm nhà vua chắc cũng có phần nào kính nể những cựu thần nhà Lê, nhất là những người đã từng chống đối kẻ thù chung trước đó là Tây Sơn, thì không có lý do gì mà ông còn phải giấu giếm. Xét toàn bộ thi văn tập của ông tiết nào về cuộc đời hoạt động của ông. Chỉ còn có một cách cũng không hề thấy ông ký thác tâm sự hoặc ghi chép lại chi tiết nào về cuộc đời hoạt động của ông. Chỉ còn một cách giải thích : ông đã xem công cuộc khôi phục cựu triều,

mưu đồ sự nghiệp như là một giấc mộng không hơn không kém, một giấc mộng đã qua hẵn rồi, không cần phải nhắc đến nữa. Điều này càng chứng tỏ phẩm chất thanh cao của ông. Vì vậy “Sơ Kính Tân Trang” chỉ còn là một câu chuyện tình ghi lại mỗi duyên giai ngộ giữa ông và Trương Quỳnh Như, và do đó từ ngữ thuyết hóa ở đây chỉ có nghĩa là ước lệ hóa cho phù hợp với truyền thống viết truyện của người xưa : truyện phải có đầu có đuôi theo những công thức đã có sẵn.

Người ta có thể rất dễ dàng nhận diện Phạm Thái qua nhân vật Phạm Kim, và Trương Quỳnh Như trong vai Quỳnh Thư : Phạm Thái là con Trạch Trung Hầu, người đã từng khởi nghĩa phục Lê và đã thất bại. Quê hương của ông là xã Yên Thường, huyện Đông Ngạc, phủ Từ

Sơn, tỉnh Bắc Ninh, còn Trương Quỳnh Như là con Kiến Xuyên Hầu Trương Đăng Quĩ, em Thanh Xuyên Hầu Trương Đăng Thụ, quê ở xã Thanh Nê, huyện Ý Yên, phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định³. Giới thiệu hai gia đình ở đầu truyện, tác giả viết :

BẮC NAM đôi ngả đôi nhà

Nền trâm hốt, nếp hào hoa đôi thường

Kinh luân thao lược hai đường

Đình Từ chở sáng, bể XƯƠNG góp tài

Không cần nói, ai cũng, biết Bắc là

3 Vào cuối thế kỷ XVIII, các trấn (hoặc xứ, tức tỉnh bây giờ), ở bốn bên của kinh đô Thăng Long là : Sơn Tây, Hải Đông, Kinh Bắc và Sơn Nam. Ngày nay chỉ có Sơn Tây còn giữ tên cũ, Hải Đông đã trở nên Hải Dương, Kinh bắc nay đổi là Bắc Ninh ; riêng Sơn Nam thì đời Lê Mạt chia làm hai trấn : Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ. Trương Quỳnh Như ở Sơn Nam Hạ, tức là Nam Định ngày nay. (Xem “Phương Đình Du Địa Chí”, bản dịch Ngô Mạnh Nghinh, Cơ sở Báo chí và Xuất bản Tự Do, Sài Gòn, 1960, tr 222).

tỉnh Bắc Ninh, Nam là tỉnh Nam Định, đỉnh Từ là đỉnh núi ở phủ Từ Sơn, bể Xương là bể ở phủ Kiến Xương.

Trong bài “Đề núi Dục Thúy” của Trương Quỳnh Như chúng ta cũng thấy nàng nói đến hai họ Trương, Phạm :

Mây trôi phảng phất hồn Lê, Trịnh

Đá khắc mờ mờ dấu Phạm⁴, Trương

Những quang cảnh mà Phạm Kim đã trông thấy trong bước đường của chàng cũng là những quang cảnh mà chính tác giả đã trải qua trong những năm giang hồ lưu lạc trên khắp các vùng miền Bắc Việt. Những cảnh tượng sống động cũng như những khung cảnh thiên nhiên ghi chép lại có một vẻ chân xác khác thường,

4 Phạm là Phạm Tử Hư, đạo sĩ đời Hậu Lê, đã từng du ngoạn ở đây (theo “Truyện Kỳ Mạn Lục” của Nguyễn Dữ) ; Trương là Trương Hán Siêu, danh sĩ đời Trần, tác giả bài “Linh Tế Tháp Ký” trên núi Dục Thúy.

không thể là sản phẩm đơn thuần của trí tưởng tượng mà phải là những sự kiện mắt thấy tai chính tác giả. Những bài thơ xướng họa của Phạm Kim và Quỳnh Thư cùng những bài theo thể “Tây giang nguyệt” mà hai người trao đổi cho nhau có lẽ đã là những sự kiện có thực giữa đôi uyên ương thi sĩ này. Sự chân thành trong niềm cảm xúc và nỗi tha thiết trong những lời thơ đã thừa đủ để chứng tỏ điều đó.

Gạt bỏ những sự việc cần phải thêm vào cho câu truyện trở nên có hậu như Quỳnh Thư hiện về chữa bệnh cho Phạm Kim, đầu thai làm Thụy Châu để hoàn tất mối duyên tiền ước v.v... người ta chỉ còn chú ý đến những chi tiết của cuộc ép duyên. Trong “Sơ Kinh Tân Trang”, tác giả đã cho nguyên nhân của mối duyên ngang trái đưa đến sự tự vẫn

của Quỳnh Thư là sự cưỡng hôn bức hiếp của một viên quan Đô đốc xứ Đảng Trong. Có lẽ tác giả đã thuận tay mà đổ lên đầu một quyền thần quân phiệt nhà Tây Sơn cái tội lỗi hung ác đó cho đã nư cơn giận, chứ thật ra thì cuộc ép duyên này chỉ là do mẫu thân của Quỳnh Như chủ trương trước sự cầu thân khá ăn cần của một công tử⁵ con nhà giàu có.

Tóm lại, về mặt hình thức, “Sơ Kính Tân Trang” là một hồi ký, là một tự truyện được tiểu thuyết hóa, nhưng xét trong nội dung, đó là một bản tình ca than khóc cho một mối tình đẹp đẽ nhưng ngang trái, một bài thơ trường thiên bi thảm giải tỏ tâm sự náo nùng của một đôi uyên ương thi sĩ trước

5 Trong “Tiêu sơn Tráng sĩ”, Khái Hưng cho rằng người cầu hôn Trương Quỳnh Như là Trịnh Nhị, con một viên phán tri đã qua đời, “nhà giàu nhất vùng Kiến Xương, Ý Yên mà ai ai cũng gọi là Thạch Sùng đời nay”. (“Tiêu Sơn Tráng sĩ”, Văn Nghệ, Sài-gòn, 1968, tr 282).

một mối tình tuyệt vọng kết thúc bằng cảnh kẻ mất người còn. Bản tình ca đó, khúc sâu ngâm đó, lại được đặt trong một bối cảnh lịch sử là những năm cuối cùng của triều đại Cảnh Thịnh đời Tây Sơn, trong một xã hội Nho giáo suy tàn, nặng nề khí vị lánh đời, trên những cảnh trí đất nước cổ sơ mà hiện thực. “Sơ Kính Tân Trang”, do đó, vừa là một giá trị lịch sử sống động, vừa có một giá trị nhân văn khác thường.

IV.– Phạm Thái con người đa dạng trong một thời kỳ lịch sử và văn học sử trứ danh.

Phạm Thái là một bộ diện đặc biệt trong văn học cuối Lê đầu Nguyễn. Ông đã sống đầy đủ các khía cạnh khác nhau trong tâm trạng một thanh niên thời loạn

của xã hội phong kiến thuở xưa : cũng ôm giấc mộng lớn của thời đại, cũng say mê giang hồ và tình ái để rồi cuối cùng cũng tiêu sấu trong men rượu. Ông đã sống một cuộc đời thi vị và hùng vĩ cũng như ông đã sống chán mửa với cuộc đời. Phạm Thái là một chứng nhân điển hình cho một thế hệ khác thường của một thời đại đặc biệt.

Thêm vào những nét đặc trưng đó của một lớp người, trong một giai đoạn lịch sử, Phạm Thái còn là một giá trị độc đáo trong văn chương : cá tính của ông tỏ rõ trong nét phóng túng của ngòi bút, trong sự ly khai khỏi những khuôn khổ cố hữu của lối hành văn xưa, với sự bất chấp kỹ thuật, cũng như sắc thái tả chân, hoạt kê xã hội và dân tộc nó làm cho ông xa lìa các nhà văn cổ điển quý tộc như Nguyễn Gia Thiều, Bà Huyện Thanh

Quan... để đưa ông lại gần một tác giả lành mạnh mang nhiều sinh lực nhất của dân tộc : Hồ Xuân Hương

Phạm Thái là một tác giả tên tuổi của một thời kỳ văn học quan trọng. Khác hơn vai trò nhân tố mang chở thụ động của nhân vật Chinh Phu ra đời nửa thế kỷ trước, ông đã là một chứng nhân sống động và có ý thức của một trào lưu văn học mới mẻ phản ánh những xao xuyến xã hội và tự vấn về những giá trị cổ truyền. Ông vừa làm chứng cho lịch sử vừa làm lịch sử : trên cương vị nhà văn, ông ghi chép những diễn biến tâm tư con người thời đại, và trên cương vị làm người, ông tích cực tham dự vào những hoạt động của thế hệ ông. Phạm Thái vừa là một giá trị văn học vừa là một giá trị nhân văn lớn.

NGUYỄN VĂN XUNG

Phạm Thái, một bộ diện đặc biệt...

Ghi chú 1:

Về dòng dõi Phạm Thái, hai nhà học giả Lê Dư (trong “Phổ Chiêu Thiền Sư Thi Văn Tập”, Nam Ký, Hà-nội, 1932) và Dương Quảng Hàm (trong “Việt Nam Văn Học Sử Yếu”) đều ghi : thân phụ Phạm Thái là TRẠCH Trung Hầu, quê quán: huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn, thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

Theo tự truyện của chính ông, là “Sơ Kính Tân Trang”, Phạm Thái cũng đã viết :

Bắc, Nam đôi ngả đôi nhà (câu 9)

.

Đỉnh Từ chở sáng, bể Xương góp tài
(câu 12)

thì Bắc là trấn Kinh Bắc, tức là tỉnh Bắc Ninh ngày nay; còn Từ là phủ Từ Sơn (quê hương của ông) — cũng như Nam là trấn Sơn Nam, tức tỉnh Nam Định ngày nay; còn Xương là phủ Kiến Xương (quê hương Trương Quỳnh Như).

Theo Tập san Văn Học số 2, của Nhóm Văn học V.N., trường học Văn khoa Sài Gòn, 1968, thì Phạm Thái là con THẠCH Trung Hầu (THẠCH chứ không phải TRẠCH, – vì lặp lại nhiều lần) Phạm Đạt (Sđd, trang 48).

Theo “Việt Sử Khảo Lược” của Dương Kỳ, nơi mục “Nội loạn” dưới triều Tây Sơn, có ghi như sau :

NỘI LOẠN

Ngoài những vụ đánh nhau với nhà Nguyễn hoặc anh em bất hòa, triều Tây

Sơn cũng phải dẹp nhiều đám loạn gây nên bởi các cựu thần nhà Lê. Ta hãy ghi lại những việc quan trọng nhất.

1.- Việc TRẦN QUANG CHÂU

(a). Châu người huyện Gia Bình (Bắc Ninh) nổi loạn ở sông Thiên Đức (sông Luống). Năm 1788, khi quân Thanh thua chạy rồi, Châu cùng Trần Danh Án, Dương Đình Tuấn và Lê Trọng Vĩ võ trang bạo động chống với tướng Tây Sơn Võ Văn Dũng ngót ba bốn năm. Anh và cháu của Châu đều tử trận, rồi chính Châu cũng bị bắt và bị giết.

2.- Việc DƯƠNG ĐÌNH TUẤN.

Người huyện Yên Thế (Bắc Giang). Tuấn cùng người nhà họp quân đánh lại Tây Sơn bảo vệ vua Lê Chiêu Thống cho đến khi người Thanh qua. Con và gia thuộc đều tử trận. Khi quân Thanh về rồi, Tuấn vẫn hoạt động (1789), bị quân Tây Sơn

đuổi về tận Yên Thế, đốt nhà và làng.
Chẳng bao lâu, Tuấn chết.

3.– Việc ANHEM, CHA CON PHẠM ĐÌNH ĐẠT. Phạm Đạt ở Vũ Giang (Bắc Ninh); với hai em là Tào sĩ Phạm Đình Phan, Tấn sĩ Phạm Đình Dũ (5) và con trưởng là Phạm Duật phò nhà Lê đánh Tây Sơn ở Ngân Treo Đanh. Khi vua Lê chạy sang Tàu rồi, thì họ hoạt động ở Lạng Giang. Họ Phạm thua. Phan uống thuốc độc tự tử; con của Đạt là Đình Cử, Đình Ninh đều bị bắt và bị giết.

(Dương Kỳ, “Việt Sử Khảo Lược”, Tiến Hóa xuất bản, Huế, 1949 – trang 220-221).

(a).– Xem “Việt Nam Nhân vật chi Vựng biên”, Thái Văn Kiểm và Hồ Đắc Hàm, Văn hóa tùng thư, nha Văn hóa Bộ Giáo dục, Sài Gòn, 1962, tập 13, trang 27 –

và “Hoàng Lê Nhất Thống Chí” bản dịch của Ngô tất Tố, Cơ sở Báo chí Xuất bản Tự Do. Sài Gòn, 1958, các trang 197-198-199, 240-211 và 267. – Theo Khái Hưng trong “Tiêu Sơn Tráng sĩ”, Trần Quang Châu là thân phụ của Trần Quang Ngọc đảng trưởng đảng Tiêu Sơn.

(b) Xem “Hoàng Lê Nhất thống chí”, Sdd, các trang 209, 214 và 267.

Vậy:

1- Thân phụ Phạm Thái là THẠCH-Trung Hầu hay TRẠCH Trung Hầu ?

2- Trạch Trung Hầu có phải tên là Phạm Đạt không ?

3- Trạch Trung Hầu, người huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh (theo Lê Dư, Dương Quảng Hàm và chính Phạm Thái), nếu có tên là Phạm

Đạt (theo nhóm Văn Học học Văn khoa Sài Gòn), thì có phải là Phạm Đình Đạt ở Vũ Giang Bắc Ninh (theo Dương Kỳ) không ?

- Về câu hỏi thứ nhất, có lẽ Dương Quảng Hàm đã căn cứ theo tài liệu của Lê Dư, mà Lê Dư thì chắc là đã có khảo qua gia phả Phạm Thái ở Bắc Ninh. Trong “Phổ Chiêu Thiên Sư Thi Văn Tập”, nơi mục Dật sử, ngay ở trang nhất, không những Lê Dư ghi rõ tước vị của phụ thân Phạm Thái là TRẠCH Trung Hầu, có chú cả chữ Hán (trong Hán văn, chữ TRẠCH rất khác với chữ THẠCH, không thể nào làm lẫn được), mà ông còn ghi thêm cả ngày, tháng sinh, cũng như về quê quán, ông không quên ghi cả thôn ấp, cùng tường chú bằng chữ Hán. Dương Quảng Hàm, trong “Việt nam Văn học Sử yếu”, chỉ ghi : Trạch Trung

Hầu, chứ không chú bằng chữ Hán; còn về quê quán, thì chỉ ghi có xã, huyện, tỉnh mà thôi (Dương Quảng lại chép lầm năm mất của Phạm Thái là năm Đinh Dậu 1814 - ra là 1813), trong khi Văn Tân, Hoài Thanh và Nguyễn Đồng Chi, nơi quyển IV, trong bộ “Lịch sử Văn học Việt Nam”, xuất bản ở Hà nội, đã lấy đúng y những tài liệu như của Lê Du. Tập san Văn Học Sài-gòn có lẽ đã căn cứ vào bản quay ronéo bộ “Lịch sử Văn học Việt Nam », của miền Bắc đã nói trên, do Đại học Văn khoa và Sư phạm Sài gòn phổ biến ; bản này viết là THẠCH Trung Hầu và lẽ dĩ nhiên là không có chú chữ Hán (xem bản rônêô đã dẫn, quyển IV, nơi các trang 209, 210 đều viết là THẠCH). Như vậy có lẽ có sự chép lầm tới trích lại lầm chẳng?

- Về câu hỏi thứ hai, gần đây, nghe

đầu ở miền Bắc, có phổ biến một tập “Sơ Kính Tân Trang” chú giải, trong đó chắc phần tiểu truyện Phạm Thái. Nếu Tập san Văn Học Sài gòn căn cứ vào tập này, thì tài liệu đó đáng tin cậy lắm, vì các học giả ngoài Bắc hiện nay có thể trực tiếp tham khảo gia phả của Phạm Thái ở Bắc ninh.

- Về câu hỏi thứ ba, ngoài chỗ sai biệt ở chữ lót trong tên họ (một bên có chữ ĐÌNH, còn một bên thì không) có thể do sự sai lẫn thường thấy trong sự sao đi chép lại, chúng ta chỉ còn cần giải quyết vấn đề quê quán. Vấn đề này lại rút gọn vào sự sai biệt giữa huyện Đông-ngạn, thuộc phủ Từ-sơn và đất Vũ-giang mà thôi, vì các tài liệu đều ghi là thuộc tỉnh Bắc-ninh. Thực ra, vào thời cuối Lê đầu Nguyễn, Vũ-giang cũng là một huyện thuộc phủ Từ Sơn (xem “Phương

Đình Dư Địa Chí”, bản dịch Ngô Mạnh Nghinh, Cơ sở Báo chí và Xuất bản Tự Do, Sài-gòn, 1958, mục Phủ Từ Sơn, trang 260). Vậy :

a- Có lẽ Lê Dư và Dương Quảng Hàm chép lầm, hoặc Dương Kỳ chép lầm.

b- Có thể là chẳng ai lầm cả : Trạch Trung Hầu vốn quê huyện Đông Ngạn, nhưng lại hoạt động ở huyện Vũ-giang, phủ Từ Sơn, thuộc trấn Kinh Bắc, nay là tỉnh Bắc Ninh. Điều này không lạ : ngay cả Phạm Thái cũng khi thì làm trụ trì huyện Yên Phong (chùa Tiểu Sơn, thuộc xã Tiêu-sơn, Yên phong), có khi lại khuyến giáo ở các huyện Tiên du, Đan Phượng... (Lịch sử Văn học VN ở miền Bắc ghi: “Phạm Thái còn gọi là Phạm Phụng hay Phạm Đan Phụng” – nơi trang 209 quyển IV – có lẽ đã lầm lẫn tên ông với huyện Đan Phụng hay

Phượng thuộc phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây là nơi ông đã từng hoạt động.... Về huyện Đan Phượng, xem PĐDDC sdd, trang 244). Thực ra, địa bàn hoạt động của Phạm còn lan tỏa ra gần khắp các tỉnh Bắc hà.

Như thế, phải chăng chức Nội Sai Bình Phiên tước Trạch Trung Hầu chính tên là Phạm Đình Đạt, anh Tào sĩ Phạm Đình Phan, Tấn sĩ Phạm Đình Dữ (về ông này, xem “Hoàng Lê Nhất Thống Chí” bản dịch Ngô Tất Tố, Báo chí và Xuất bản Tự Do, Sài Gòn, 1958, các trang 267); và Phạm Thái là con út của ông, em của Phạm Duật, Phạm Đình Cù, Phạm Đình Ninh ?

N. V. X

ĐÊM TRẮNG đã phát hành:

NHỮNG NGÀY MƯA

tác phẩm mới nhất của

HUỲNH PHAN ANH

Akutagawa Ryunosuke

La sinh môn

Vũ Thư Thanh dịch

Takugaua Ryunosuke (1892-1927)
là một nhà văn chuyên viết những chuyện
lấy bối cảnh trong lịch sử Nhật Bản hay
Trung Hoa. Ông được coi như một trong
ba nhà văn lớn của Nhật. Truyện của ông
là sự kết hợp của cái chết và lý trí và chính
ông sống trong hai thái cực đó đã không
chịu đựng được phải tự tử chết khi mới có
36 tuổi.

Văn ông một đấng phản ánh phong vị của một công tử xứ Giang Hộ (Edo) một đấng của người mẹ điên của mình. Dấu vết đó chạy suốt trong văn nghiệp của ông. Tuy đời văn ngắn ngủi nhưng ông để lại một ảnh hưởng lớn lao. Đến nay, giải thưởng Akutagawa vẫn là giấc mộng của những nhà văn trẻ Nhật.

Bản Việt ngữ dưới đây được dịch thẳng từ nguyên tác.

huyện vào một buổi chiều tối.
một tên gia nhân trú mưa ở
dưới La Sinh Môn.

Dưới hàng môn rộng, ngoài tên đàn ông này ra không còn một ai khác. Duy trên hàng cột tròn to đã loang lổ long lớp sơn son từng mảng là có một con đế đậu. La Sinh Môn đã ở trên Đại lộ Chu Tước thì lẽ ra ngoài tên đàn ông này phải có thêm hai ba đứa nữ thương khách che nón ichimegasa⁶ hay bọn tắm quất đội mũ momieboushi. Ấy thế nhưng ngoài tên gia nhân không còn thấy một ai.

6 Ichimegasa và Momienoushi : Mỗi hạng người thời xưa dùng quần áo cũng như trang phục khác nhau. Hai chữ trên nghĩa giản dị là nón con gái đi buôn và mũ người tắm quất.

Tại sao thì Kyoto mấy năm vừa qua trải không biết bao nhiêu tai ách, nào động đất, nào bão lốc, hỏa hoạn, đói khát liên tiếp xảy ra. Bởi đó mà đất thần kinh điêu tàn một cách dị thường. Cứ theo như Cựu ký chép lại thì có chuyện những pho tượng với đồ thờ Phật bị chẻ đập đem những mảnh gỗ vẫn còn dính nguyên sơn son thiếp vàng thiếp bạc chất đồng lên ở hè phố bán làm củi. Chốn đế kinh đã ở trong trạng huống này thì chuyện tu sửa La Sinh Môn người nào mà chẳng vứt bỏ, có ai lại đi đoái hoài đến. Nương vào cảnh đổ nát, chôn cáo đến làm ổ, trộm cướp làm sào huyệt. Riết mãi rồi việc đem xác những người chết vô thừa nhận đến quăng bỏ trên môn trở thành tập quán. Thế nên hễ ánh mặt trời khuất rồi thì bất cứ người nào cũng thấy rờn rợn, không một ai dám giẫm chân lai vãng gần hàng môn.

Thay vào đó thì không biết quạ từ đâu kéo đến thật đông, ban ngày nhìn không biết đến bao nhiêu con, vừa bay vừa lập thành vòng bay quanh cái si vĩ⁷ cao. Đặc biệt những hôm ráng chiều cháy đỏ nền trời trên bâng môn, lũ quạ trông bật rõ lên như những hạt vừng. Hẳn dĩ nhiên là lũ quạ kéo đến để rửa thịt đám xác chết bị vớt nằm trên môn. Ấy vậy nhưng không biết có phải vì bữa nay giờ khắc đã muộn mà nhìn đâu cũng không thấy một con. Duy chỉ thấy trên những bụi đá đang rở vỡ mà từ những đường kẽ nứt cỏ mọc đâm cao, những bãi phân quạ còn rơi dính đầy thành những chấm trắng. Tên gia nhân ở trên bụi cao nhất của thêm đá cao bảy bụi, vén sửa lại tà áo xanh dương đã lạt màu, tần mẩn sờ mụn trứng

7 Si vĩ : Trong kiến trúc Nhật, tùy theo từng ngôi đền mỗi cái cong trên nóc biểu tượng một thứ. Trong trường hợp La Sinh Môn, cái cong trên nóc có hình đuôi con chim cú mèo nên gọi là cái si vĩ, theo như tiếng Nhật.

cá to tướng mọc trên má phải thần thờ nhìn mưa rơi.

Người viết lúc này có bảo là tên gia nhân chờ tạnh mưa. Ấy thế chứ mưa có tạnh đi nữa, hắn cũng chẳng có công việc gì dứt khoát. Là lúc bình thường dĩ nhiên hắn đã phải trở về nhà chủ. Thế nhưng bốn ngày trước đây hắn đã bị chủ cho nghỉ. Như lúc này đã có viết, Kyoto thuở bấy giờ đang ở lúc suy vi khác thường. Câu chuyện một tên gia nhân bị người chủ đã từng sai bảo trong bao nhiêu năm cho thôi lúc này không khác nào một gợn sóng dư nhỏ bé trong biển suy vi. Cho nên thay vì nói “tên gia nhân chờ tạnh mưa” mà bảo “tên gia nhân bị mưa dồn đang cùng quần không biết đi đâu” mới là thích đáng. Thêm vào đó, vòm trời u ám trong thời buổi này đâu có ảnh hưởng gì tới cái sentimentalisme⁸ của tên gia nhân

8 Sentimentalisme : tiếng Pháp có nghĩa tình cảm giả tạo.

dưới triều Bình An⁹. Cơn mưa bắt đầu rơi từ cuối giờ thân vẫn chưa tỏ dấu gì sắp tạnh. Ở trong tình cảnh này tên gia nhân vừa mừng lung theo chân những ý nghĩ muốn ngăn lại mà không được là làm sao thì làm cũng phải lo chuyện trước mắt sống cho qua được ngày mai – có nghĩa là lo làm điều không làm gì được cả — vừa lơ đãng thần thờ nghe tiếng mưa rơi trên Đại lộ Chu Tước.

Cơn mưa, bao phủ lấy La Sinh Môn, gom góp những tiếng rào rào mãi từ xa đem lại. Bóng đêm chạng vạng từ từ hạ thấp vòm trời và khi ngược nhìn lên đã thấy nóc môn, chỗ những viên ngói đâm xiên ra, đang chống đỡ cho một đám mây nặng trĩu.

9 Đời Bình An: Một thời đại quan trọng trong lịch sử Nhật đánh dấu sự du nhập có qui mô của nền văn minh Trung Hoa kéo dài từ năm Diên Lịch 13 (794) đến năm Văn Trị nguyên niên (1185).

Lo chuyện không thể làm gì được thì đâu còn cái phong lưu được chọn lựa phương tiện. Nếu có chọn lựa cũng chỉ là giữa cái chết đói bên một vách tường đất hay là bên lề đất một con lộ thôi. Để rồi xác sẽ được đem vứt bỏ ở hàng môn này không hơn xác một con chó. Nếu không chọn lựa – không biết đã bao lần ý nghĩ của tên gia nhân lan man trên cùng một lối để cuối cùng rồi cũng đến cái đích – tuy nhiên chữ nể này cho dù đến mấy giờ đi nữa kết cục vẫn còn nguyên là chữ nể.

Tên gia nhân vẫn biết đã khăng định rằng sẽ không chọn lựa thủ đoạn nhưng để định kiểu cho chữ nể này tất nhiên phải kèm theo sau một vế “chẳng có cách nào khác ngoài trở thành trộm cướp” thì hẳn không làm sao vận ra cho đủ can

đảm để mà khẳng định một cách tích cực được.

Tên gia nhân hắt hơi một cái thực mạnh rồi nặng nhọc đứng dậy. Cái giá buốt của buổi chiều tối Kyoto đã lạnh đến cỡ thấy thềm có được một lò than hồng. Gió cùng với bóng đêm không một chút e dè ngại ngùng thổi thốc xuyên qua từ hàng cột này sang hàng cột kia. Con đế đậu ở trên cây cột sơn son cũng đã bỏ đi đâu mất từ hồi nào.

Tên gia nhân rụt co cổ lại, kéo cao đôi vai dưới manh áo xanh dương phủ trên manh lót mình kazami vàng đi vòng quanh cổng xem xét. Có được một nơi để ngủ một giấc sáng khoái không lo bị mưa gió, chẳng sợ bị ai dòm ngó, được như vậy thì hẳn ngấm cũng có thể chờ qua đêm được. Và may mắn thay, hẳn để ý

thấy cầu thang rộng, cũng được sơn son, dẫn lên trên lầu môn. Đã lên đến trên thì cho có kẻ nào đi nữa chẳng qua cũng chỉ toàn là những người đã chết. Tên gia nhân vừa cẩn thận giữ cho thanh thái đao chuôi trơn đeo ở ngang lưng khỏi tuột ra khỏi vỏ, đặt bàn chân đi hải sảo bện rơm lên trên bậc dưới cùng của cầu thang.

Sau đó vài phút. Ở giữa cầu thang rộng dẫn lên lầu La Sinh Môn người ta thấy một tên đàn ông thu hình lại như mèo vừa nín hơi vừa đoán chừng cảnh tượng ở bên trên. Một ánh lửa lóe lên từ trên môn lầu thấm ướt nhẹ lên má phải của gã đàn ông. Đó là một cái má có mọc một mụn trứng cá ngậm mủ đỏ ở bên dưới hàng râu ngắn. Tên gia nhân ngay từ đầu đã nông nổi đoán bậy là ở bên trên nếu có ai thì chỉ có xác chết. Ấy vậy mà

mới leo lên được có hai ba bậc đã thấy ở trên có kẻ châm lửa, mà ngọn lửa lại còn như chuyển động từ chỗ này khác. Hẳn biết chắc rõ được điều đó ngay nhờ ánh lửa vàng đục lung lay chiếu lên trên trần mạng nhện bám đầy trong những kẽ góc. Kẻ nào vào một đêm mưa, lại ở trên La Sinh Môn này mà đốt lửa nhất định không phải là người phạm.

Tên gia nhân rón gót như một con thạch sùng mãi mới lết trườn người lên được tới bậc cuối cùng. Rồi hẳn ta áp xuống được chùng nào hay chùng ấy, nghên cổ dài ra chùng nào hay chùng ấy, hã hã sợ sợ nhìn vào cảnh trí bên trong lầu.

Nhìn vào thì, đúng như lời đồn đại, bên trong lầu xác người chết vút nằm ngổn ngang nhưng vì ánh lửa chỉ soi sáng một khoảng hẹp hơn là đã tưởng

thành thủ không biết được là có bao nhiêu. Mặc dù ánh sáng từ mù hắc cũng phân biệt được là có những xác chết trần truồng cùng lẫn với những xác còn mặc nguyên quần áo. Dĩ nhiên là xác chết đàn ông quăng lẫn lộn với xác chết đàn bà. Hơn nữa, những xác chết đó đều tưởng chừng như những hình nhân nặn bằng đất, đến cái độ đậm ngờ ngay cả sự thực đám xác chết kia là xác của những người đã từng sống. Xác thì há mồm, xác thì giơ tay, mạnh ai nấy thế, ngổn ngang lẫn lóc nằm trên sàn. Đã thế, những bộ phận cao như vai ngực nhận được ánh lửa từ mù làm bóng của những bộ phận lồi lõm thấp xuống thêm sâu tối đem cho họ một vẻ câm nín của những tên câm vạ thuở.

Tên gia nhân tự nhiên, bằng một cử động vô thức, đưa tay lên bịt mũi trước cái mùi của những xác chết thối rữa này.

Nhưng ngay giây khắc sau đó cánh tay đã quên cả chuyện bịt mũi. Một chấn động tình cảm mãnh liệt như đã cướp đi của hẳn khứu giác rồi vậy.

Đến lúc đó mắt tên gia nhân mới bắt đầu để ý thấy giữa đám xác chết có một người ngồi bàn tọa. Đó là một cụ già mặc bộ kimono màu da cối¹⁰, người lùn nhỏ gầy còm, đầu tóc bạc trắng trông như một con khỉ. Cụ già tay phải cầm một thanh củi thông đang cháy dán mắt nhìn chăm bằm vào một xác chết. Theo chỗ mái tóc dài thì chắc hẳn phải là xác đàn bà.

Tên gia nhân bị rúng động vì sáu phần sợ với bốn phần tò mò trong một giây khắc quên mất ngay cả việc hít thở. Mượn theo lời của kẻ ghi Cựu ký thi hẳn

10 Mầu da cối : cây gỗ cối còn gọi là vàng tâm thì phải, nên mầu da cối có lẽ là mầu vàng tươi chàng. (?)

có cảm giác như là “lông tóc cũng đều trương phềnh lên¹¹”. Đúng lúc đó thì mẹ già ghim thanh củi thông vào kẽ nứt ở sàn, rồi, lấy tay nâng cái đầu xác chết từ nãy vẫn ngấm nghĩa, trang trọng, trông như một con khỉ mẹ bắt chấy cho một con khỉ con, bắt đầu giựt từng sợi tóc dài ra. Tóc như theo với chiều tay long ra. Nỗi kinh hoàng trong lòng tên gia nhân tan biến đi theo từng sợi tóc long ra. Và, cũng cùng một lúc đó lòng căm ghét mẹ già tăng lên từng chút một — bảo là hẳn căm ghét mẹ già e vẫn còn có chỗ chưa được chỉnh không chừng. Chẳng qua đó là lòng thù ghét cái xấu nó mỗi lúc mỗi tăng cường độ mạnh lên đó thôi. Bây giờ đây nếu có kẻ nào đem chuyện mà chính tên gia nhân đã nghĩ lúc này bên dưới hàng môn, chuyện chọn lựa giữa cái chết

11 Lông tóc đều trương phềnh lên : dịch nghĩa câu “toush-in no ke mo hutoru”; dịch bóng có thể giống câu “dựng tóc gáy” của ta.

đói hay là đi làm tên đạo tặc, ra hỏi lại, thì e rằng hần sẽ không luyến tiếc mà trả lời chọn sự chết đói. Cái lòng thù ghét cái xấu của tên gia nhân này cũng giống như ngọn lửa củi thông gắn trên kẽ sàn gỗ kia, cháy lên phừng phừng.

Đã hần là tên gia nhân đâu có biết đến nguyên cớ làm sao mù già lại đi giựt tóc của xác chết. Cứ theo lẽ đó mà xét thì hần không thể nào biết nên qui hành động đó là thiện hay là ác được. Nhưng cứ theo hần thì trong một đêm mưa gió như thế này, lại ở trên La Sinh Môn mà giựt lấy tóc của xác chết, chỉ bấy nhiêu đó thôi đủ để tạo lập thành một điều ác khó có thể dung thứ được. Tất nhiên chuyện cho đến lúc này chính hần cũng có ý nghĩ trở thành đạo tặc thì hần đã quên đi đẳng nào mất rồi.

Thế là hấn dồn sức vào hai chân phi thân vọt lên khỏi cầu thang. Rồi tay nắm chặt cây thái đao đốc trần, hấn hùng hổ tiến lại phía mục già. Khởi phải nói cũng biết mục già giật mình hoảng sợ đến như thế nào. Mục già vừa nhìn thấy tên gia nhân đứng bật dậy như mũi tên buông ra khỏi nỏ.

– Tên kia, nhà người đi đâu ?

Tên gia nhân nạt cản đường không cho mục già lúc ấy hoảng sợ đang tìm đường chạy trốn vấp chúi trong đám xác chết. Mục già vẫn sáp lại gần định dẹp tên gia nhân lấy đường chạy. Tên gia nhận đâu có để mục đi không thể được, xô trở lại. Hai người lặng im vật lộn trong đám xác chết một lúc. Nhưng thắng bại đã được định rõ ngay từ đầu. Cuối cùng tên gia nhân nắm được cánh tay mục già bẻ quặt vật mục xuống. Cánh tay khằng khiu

chỉ còn da bọc xương như cangkà.

– Làm cái gì hả. Nói. Không thì đây !

Tên gia nhân xô dúm mù già rồi bắt chọt rút lưỡi thái đao ra khỏi vô dĩa ánh thép trắng loáng vào mắt mù. Nhưng mù già vẫn nín thinh. Hai tay run lên lật bật, đôi vai nhấp nhô thở hổn hển, hai mắt mở tròn trừng tưởng muốn rơi con ngươi ra khỏi tròng, mù lì lợm câm nín như một tên câm.

Nhìn thấy thế tên gia nhân mới ý thức được quá rõ ràng sinh mệnh của mù già hoàn toàn tùy thuộc vào ý muốn của hắn.

Ý thức được điều đó rồi thì không hiểu lòng thù ghét sự xấu của hắn đến lúc này vẫn còn cháy phừng phừng đã bị nguội lạnh đi từ lúc nào. Nếu có còn

lại thì chỉ còn lại cái tâm trạng của một người lo làm một việc gì mà sự việc ấy viên mãn thành công, trong lòng chứa đựng cái khoái sảng của sự mãn nguyện. Tên gia nhân ngó xuống mù già dịu giọng nói :

– Ông không phải là kẻ làm trong phủ kiểm phi vi sứ¹² đâu. Ông là khách giang hồ đi ngang qua dưới hàng môn này. Vì thế cho nên lấy dây thừng trói mù hay làm một điều gì là không có. Duy chỉ có mỗi chuyện vào giờ khắc này mù làm cái gì trên môn lâu này, hãy nói cho ông nghe là xong.

Mù già nghe vậy, mắt đã mở trợn trừng lại càng mở lớn thêm ra, nhìn đắm đắm vào mặt tên gia nhân. Mù nhìn với cặp mắt mi đã đỏ hoe, ánh mắt sắc như mắt diều hâu. Rồi mù ta cựa quậy cặp

12 Kiểm phi vi sứ : cảnh sát thời xưa.

môi trông như dính sát vào mũi giữa những lớp nhận như thể đang nhai vật gì. Cái cổ ngẩng, yết hầu nhô ra chuyển động. Cũng lúc ấy từ cái cổ họng mụ một giọng nghe như tiếng quạ kêu, khò khè vọng vào tai tên gia nhân.

– Dứt lấy cái tóc này đó nghe, dứt lấy cái tóc này đó nghe, già bện thành bím tóc già đó nghe.

Tên gia nhân thất vọng trước câu trả lời tầm thường và bất ngờ của mụ già. Thế rồi cùng với tình cảm thất vọng tình cảm thù ghét cái xấu lẫn với lòng khinh bỉ lạnh lùng lại một lần nữa tràn ngập lòng tên gia nhân. Cái khí sắc ấy của hắn như được ra phía trước. Mụ già tay vẫn còn cầm mở tóc dài giựt cướp từ đầu xác chết lí nhí giọng nghe như cóc lấm bầm, nói những chuyện như thế này :

– Ra thế, gỡ lấy tóc của xác chết có điều gì xấu không chừng. Nhưng mà, người chết nằm ở đây đó nghe, tất hết toàn là những kẻ có bị làm thế này đều cũng đáng cả à. Con đàn bà mà già lúc này đang gỡ lấy tóc đó nghe, mục cắt khúc rần ra thành từng khoanh cỡ bốn thốn¹³ đem phơi bảo là cá khô bán vào trong cơ doanh đó nghe. Mục đó mà không mắc dịch bệnh chết thì bây giờ cũng vẫn cứ bán rần chứ gì. Ấy thế mà cơ binh là cá có vị thơm ngon xem như thử con nhà võ thiếu là không được cơ đấy nghe. Già này không có nghĩ con mục này đã làm điều gì tội lỗi cả. Không làm thế thì chết đói, điều không thể nào đứng được đó mà. Thì bây giờ chuyện già làm già cũng không nghĩ đó là điều xấu xa. Không làm

13 Thốn : đơn vị đo lường xưa dài khoảng hơn ba phân tây.

thì chết đói, biết làm gì khác hơn được. Cho nên, chuyện không làm không còn cách nào khác, con đàn bà này đã hiểu rõ lắm rồi thì đến chuyện già này làm, nó cũng rộng con mắt mà bỏ qua đi chớ không.

Mụ già đại loại nói những điều như thế đấy.

Tên gia nhân cho thanh thái đao trở lại bao, tay trái ấn trên đốc đao thản nhiên lạnh lùng nghe chuyện mụ già. Tất nhiên là hắn vừa lấy tay phải mân mê mụn trứng cá đỏ đã ươm mủ trên má vừa nghe chuyện.

Thế nhưng nghe trong câu chuyện, tên gia nhân thấy trong lòng nảy sinh ra một lòng can đảm. Đó là lòng can đảm

mà tên gia nhân thiếu lúc đứng ở dưới hàng môn lúc này. Hơn nữa, đó cũng là lòng can đảm vận chuyển theo một chiều hướng hoàn toàn ngược hẳn với thú lòng can đảm lúc hẳn bắt giữ mục già. Tên gia nhân không phải chỉ có bối rối phân vân giữa chuyện chết đói hay trở thành đạo tặc. Cứ theo như tâm trạng tên gia nhân lúc đó mà xét thì những chuyện như là chịu chết đói đã hầu như bị đẩy ra khỏi ý thức của hẳn như là một không thể nào lại nghĩ đến được.

– Chắc hẳn hả ? Thế đấy hả ?

Câu chuyện của mục già vừa dứt, thì tên gia nhân giọng như nhạo báng hỏi vặn lại. Rồi bước tới một bước, đột nhiên tay phải hẳn buông mụn trúng cá nầm lấy cổ áo mục già nói thế này :

– Vậy ra ông có lột áo, mũ cũng không oán há. Ông đây không làm thế này cũng ra xác chết đỏi đây !

Tên gia nhân chớp nhoáng lột lấy bộ kimono của mũ già. Thế rồi khi mũ già định ôm lấy chân hần, hần xô mũ té nhào vào trong đồng xác chết. Ra đến cửa xuống thang chỉ mất có năm bước. Tên gia nhân cấp nách bộ kimono màu da cồi trong nháy mắt xuống khỏi cầu thang dốc đứng chạy tan biến vào đáy đêm.

Một chập sau mũ già té nằm lịm tưởng như chết rồi ấy lại ngóc tấm thân trần truồng của mũ dậy khỏi đám xác chết. Mũ ngóc vừa như lằm bằm, rên rỉ, nường theo ánh lửa hầy còn cháy lết đến cửa cầu thang. Từ đó mũ già tóc bạc ngắn xỏa xuống, ngồi xuống bên dưới

hàng môn. Bên ngoài, chỉ có đèn đen
như mực,

Hành tung tên gia nhân, không ai là
người biết.

(1915, Đại chính tứ niên)

AKUTAGAWA RYUNOSUKE

VŨ THƯ THANH dịch

Sách **SÁNG TẠO** đã phát hành :

SÂU MÂY

truyện dài **DOÃN QUỐC SỸ**

THÀNH PHỐ BUỒN THIU

ký sự **ĐẶNG TRẦN HUÂN**

Bùi Giáng

Chủ Nhật

Chỉ riêng khí hậu một vùng

Và riêng khí hậu hai vùng xa hai

Ngựa về núi đá đầu thai

*Rừng khuya hý vọng tình mai điêu
tàn.*

Thứ Hai

Bài thơ dở nhất đã qua

Điều cuồng ở lại như ma cún hôn

Hang rừng hộ niệm hoàng hôn

Một trời khu vực phủ cồn hoa hoang.

Thứ Ba

Trở cơn hô hấp vội vàng

Lâm than lục tập hoa ngàn phiêu du

Tĩnh yên cổ mộc hư phù

Hàn liên thanh dẫn đêm mù sa bay.

Vũ Bằng

Thương nhớ mười hai

Tháng Giêng,

Mơ về trăng non rét ngọt

ự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng Giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mển, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn

son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyện mùa xuân.

Ồi ơi người em gái xõa tóc bên cửa sổ! Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn? Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiến nhau, chàng tưởng như nghe thấy đôi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời? Mà thiếu phụ ở chân trời góc biển yêu mùa xuân có phải vì đây là mùa xanh lên hi vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ để ngâm lại khúc bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày nào trở lại?

Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mây ai như trắng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...

Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một ống điếu, mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống!

Anh có thể đạp cò trên Hồ Gươm, đợi đến sâm sâm tối ra ngồi ở Thủy Tạ nhìn các cô gái đẹp như tiên mặc áo nhung, áo len trăm màu ngàn sắc, in bóng hình xuống đáy nước lung linh; anh có thể vào một nhà hát thưởng vài

khẩu trống, “mở quả mứt” phong bao cho các chị em, rồi uống với mỗi em một li rượu “lấy may”; anh có thể đi vào một ngôi chùa khói nhang nghi ngút, đưa mắt nhìn xem có cô nào thực xinh thì quỳ ngay xuống bên cạnh cầu Trời khẩn Phật cho cô càng ngày càng đẹp và trong năm lấy được một người chồng xứng ý như... anh vậy.

Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy. Ngôi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập

mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa, mà cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

Y như những con vật nằm thu mình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng “sống” lại và thèm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan.

Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng Giêng. Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không muốt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mát.

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời ùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rức một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh

con ve sâu mới lột.

Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng. Cánh màn điều treo ở trước bàn thờ ông vải đã hạ xuống từ hôm “hóa vàng” và các trò vui ngày Tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật.

Các con lại đi học cả rồi. Dưới nhà, người làm ngồi nhắc lại chuyện Tết với nhau “tiền mở hàng được tất cả mười hai đồng” và “đánh tam cúc thua mất ba đồng mốt”. Một cảnh thanh bình thú vị diễn ra thấp thoáng ở ngoài vườn, sân gác.

Bảo là nóng ư? Không. Bảo là rét ư?

Không. Thời tiết lúc đó kì lạ lắm: rét vẫn còn vương trên ngọn xoan đào, nhưng đất ở ngoài vườn khô ráo, sạch bong, mịn màng như thể đất rừng Đà Lạt sau một đêm sương, và, qua những kẽ lá chòm cây, có những bông hoa nắng rung rinh trong bể nước.

Đêm xanh biêng biếc, tuy chưa có mưa rây, nhưng nhìn lên thấy rõ từng cánh sếu bay. Về khuya, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ: mặc dầu vẫn phải đắp chăn bông, nhưng ban ngày không cần phải mặc áo ấm như hồi cuối Chạp.

Người vợ bắt đầu thu hết những nệm thêu trải ở sập chân quỳ và gối gấm trên ghế trắc “mua tự bên Tàu về” để đem ra phơi dưới nắng xuân, trên một cái chiếu màu khô nỏ. Mi môn, quần màn, với quần áo tết của vợ chồng và các con sẽ được phơi như thế chừng ba nắng để

rồi đem cất vào trong tủ có trái sắn rế “hương bài” để cho quần áo thơm ngát và khỏi “nhảy”.

Ấy đấy, thương người đàn bà Bắc như thế đấy. Sạch cứ như lau như li, cẩn thận từng li từng tí. Và càng thương hơn nữa là khi ta thấy người đàn bà chậm rãi vuốt ve từng cái tà áo, lồng nhỏ nhẹ từng cái khuyết vào cái khuy rồi xếp vuông vức áo nọ lên quần kia, như thể sợ động mạnh thì quần áo sẽ không còn vẹn tuyệt trinh, vì nhàu nếp lưa.

Giản dị thay cái đẹp của ngày xuân lúc đó! Ở trong nhà, cái đẹp không còn phải tạo bằng đèn nến sáng trưng, bằng mi môn quần màn, rực rỡ bằng hoa lá từng bùng trong khói hương trầm nghi ngút, mà ở ngoài đường người ta cũng không còn bị chóa mắt hay say lòng vì những áo nhung trơn mượt, những

giày kinh xòe cánh phượng bay bay hay những dải khăn “san” khéo biết lựa màu bay đùa trước gió như thể tơ trời vậy.

Không. Cái đẹp lúc này là cái đẹp thành thực, hồn nhiên, mộc mạc, cũng như người đàn bà, con gái đẹp không phải vì quần áo, vì son phấn, mà chính vì cái chất đẹp ở trong người tiết ra.

Từ mùa đông qua tết cho đến hôm nay, quần áo giấu mất hết cả thân hình đều đặn, núng nính, nõn nường của người vợ bé nhỏ có đôi má đỏ hây hây mùi cốm giót. Hôm nay, chợt thấy đôi mắt trong hơn, làn da thắm hơn và đôi vai màu ngà hần qua tấm áo lụa văn, người chồng cảm thấy như mới lại được gặp một cái gì đã cách biệt lâu lắm và tuy ngồi cách xa nhau mà tưởng như vợ mình thơm ngát mùi hoa cau.

Đẹp như thế mới là đẹp, yêu đến thế mới là yêu!

Cái đẹp của ngày Tết phủ áo nhung tím, quàng khăn lụa màu, dận lên giày nhung đen, đâu có thể so sánh được?

Ai cũng có thể bị huyễn hoặc vì vàng son, ai cũng có thể mê say nhất thời những cái lông nheo giả uốn cong lên như đào chiếu bóng, những cái vú nhân tạo bằng cao su bơm, những cái điệu bộ nhân tạo đi vắt va vắt vẹo, những mái tóc “mượn” của các mỹ viện, những mùi thơm vương giả...

Nhưng rồi có một lúc người xế bóng sẽ thấy rằng cái đẹp của quê hương ta là cái đẹp của cỏ biếc, xoan đào, hương thơm của ta là hương thơm của cau xanh, lúa vàng chứ đâu phải cái đẹp của con mắt xếch vẽ xanh, của tấm mi ni mời

mọc “tí ti thôi nhé”, của đôi môi tô theo kiểu Mỹ trông như môi người chết trôi; mà cũng đâu có phải là hương thơm của dầu thơm “Santalia”, “Kiss Me” hòa với hơi người tạo thành một mùi thú vật đang kì “con nước”.

Ở đây, từ tháng Một, trời nắng chói chang, làm cho đôi mắt mờ, đầu nhức, lúc nào người đàn ông cũng được “rửa mắt” bằng những cái vai đẹp hớ hênh, những cái lườn hây hây, hồng hồng, hay những cặp đùi mờ mờ nửa trắng nửa đen, thành thử ra... hết, không có gì mà “cảm” nữa, ví có gió xuân thì cũng khó mà làm cho hồ ao chuyển mình được.

Chao ôi, mệt quá, người đàn ông mệt quá! Đã mệt vì kiếm tiền, lại mệt vì trác táng, mệt vì nịnh bợ, ví chẳng có thấy gió xuân lay động cành hoa, long lanh cặp mắt của người vợ nao nức niềm

trắng ý nhạc thì cũng đành phải uống thêm vài li rượu ngâm hổ cốt, tắc kè và rất nhiều khởi tử... Yêu thương không còn là một nghệ thuật, không còn là làm thơ có bằng, có trắc, có vần, có điệu.

Lòng đã nóng như thiêu, nhà lại thấp, bức cứ điên lên. Có tiền lắp cái máy lạnh cho đời thêm tươi một chút, nhưng dù thế nào đi nữa thì thơ sáng tác cũng chỉ là một thứ thơ tự do, thơ văn xuôi, không có vần có điệu, vì đôi khi có vần có điệu thì cũng là cái thứ vần thứ điệu lem nhem, lĩnh kỉnh. Nào đâu những buổi hoàng hôn lành lạnh, quán quít tơ hồng; nào đâu những đêm trăng êm mượt như tơ, mái tóc ai xoa trên gối đầy những bông sao rụng; nào đâu những tiếng tiêu, tiếng nhạc của trời tình bát ngát hoa hương, mến thương nhịp thở ái ân thường vẫn thấy viết trên những báo Xuân, sách Tết?

Trên các nẻo đường nắng chói chang ở đất này, người ta chỉ thấy những người đi vội vã, chán chường mệt mỏi. Dậy từ tờ mờ sáng mà tưởng như đã hết ngày rồi. Xới vội một bát cơm ra đĩa với khô, vừa ăn vừa lo công việc. Con cái muốn làm gì thì tùy, bố mẹ còn bận đi lo tiền.

Một cô xách “bóp” da cừu dừng lại ở đường Chợ Cũ ăn mấy cái bì cuốn “nhắm” với một li đá lạnh; một ông, nhân ngày xuân tươi đẹp, “bao” vợ và con, mua ba trái dưa hấu bỏ ra ăn cả nhà, mặt mũi “tèm lem”; lại một bà, thương chồng con vất vả quanh năm, bụng về cả một liên cà ri Chà mở tiệc thưởng xuân ăn với rất nhiều bún kèm thêm một vài ổ bánh mì dài như cây đòn gánh.

Ăn như thế mà khát thì uống một li chanh muối hay chén đậu đỏ bỏ rất nhiều nước đá; ai muốn mát ruột mà lành thì

uống một chén “sinh sâm” hoặc một li sữa đậu nành, còn các cô gái dậy thì, ăn thịt nhiều xót ruột, mua một vài đồng “tầm ruột” hay “cốc” chấm mắm nêm ớt, ngon đáo để, giòn rau rầu.

Tháng Giêng ở miền Nam ngà ngọc có một vẻ đẹp “li kì” làm cho người ta háo hức, khiến cho cổ họng khô teo, muốn uống nước cả ngày, uống rồi lại khát, khát rồi lại uống, mồ hôi vã ra như thể là mình “thoát dương”.

Nhưng mà sướng,

Sướng là vì nhà nào, dù kiết xơ kiết xác đến đâu cũng có một tủ lạnh để vài ba chai nước lọc, một cái ra đi ô, một cái ti vi hò hét những vũ điệu điên cuồng khiến cho ông vía, bà cụ, chàng trai, cô gái đều rên rú cả lên, muốn “vặn mình xà” nhảy vũ điệu “cha cha cha” rồi thoát

y vũ như trong “sô” Trương Minh Giảng. Tươi quá, trẻ quá. Quả là một giai đoạn “đang lên”. Nhưng tại làm sao tất cả những sinh khí tươi trẻ, đang lên đó không làm khuây khỏa được lòng người sầu xứ luôn luôn mong cho đất nước tiến triển vượt bậc, mà trái lại lại làm cho y rầu rĩ hơn, nhớ thương hơn những tháng Giêng Bắc Việt đã qua rồi?

Ờ, cứ vào dạo này đây, ở Bắc người ta đi lễ vui đáo để. Chiều chiều, đứng ở nhà Khai Trí Tiến Đức nhìn lên cầu Thê Húc sơn đỏ ở giữa đám cây xanh đông đảo những người đi lễ trong ngôi đền Ngọc Sơn trắng toát, anh cảm thấy có những lúc nước lộn lên trời, trời rơi xuống đất khi nhìn những bóng người hiện ra huyền ảo ở dưới làn nước xanh mờ.

Qua Ngõ Hồ là đền Hàng Trống có

tiếng là “hương ngát của trời”; quá ra đến Hàng Vải là đền Quan Phước, ai mất người, mất của đến cầu xin thì thấy; từ đó ngược lên, ra lối Tòa án là chùa Quán Sứ - ờ, chắc bây giờ mấy cây thông bách tán ở trước cửa chùa đã lớn lắm rồi đấy nhỉ! Thế rồi là chùa Dâu, chùa Kim Cổ, đền Quán Thánh, chùa Trấn Quốc thờ ông thánh đồng đen, chùa Bà Đá, chùa Liên... Trời! Biết bao là chùa đẹp, biết bao nhiêu cảnh nên thơ, biết bao nhiêu người đi lễ cầu con, cầu của!

Trước đây, tháng Giêng ở Bắc là tháng người ta chỉ dành ra để trước là lễ Phật, sau là lễ tiên tổ ông bà. Người sống cảm thông với người chết trong tháng ấy, lấy tâm tư mà nói chuyện với nhau, lấy đạo lý mà khuyên bảo, dạy dỗ nhau cách nào cho vẹn đạo làm người, chớ có thấy giàu mà ham, chớ vì sang mà bỏ nghĩa,

chớ vì cầu an mà làm tội mọi cho người ngoài.

Từ xưa, Bắc Việt có bao giờ là một miền giàu có? Ai cũng phải ăn nhịn, để dành; lúc nào cũng phải lo đối phó với ngoại xâm chỉ rình bóp cái cổ họng của Đông Dương trước nhất; không năm nào không lo bão tố, lụt lội, hạn hán, mất mùa... Nhưng lạ lắm, cô Ba à, tại sao tôi thấy người Bắc lúc nào cũng bình tĩnh, trầm mặc, sẵn sàng “chơi” lại những thử thách của trời trong khi vẫn sống một đời sống nội tâm phong phú, nhất là người đàn bà Bắc, sao cũng lo gánh vác giang sơn nhà chồng, cũng lo từng miếng ăn giấc ngủ cho chồng cho con, cũng hai sương một nắng mà có vẻ như không “đầu tắt mặt tối” như người đàn bà ở trong đây? Ở trong đây, người ta vội quá: người tử tế lo vội vàng để kiếm sống

đã dành, ngay các cô tú thời lấy ngoại kiều “ngồi lên đồng tiền” cũng vội; các xe hơi chạy vội, cái kèn xe bóp vội, xoa mặt chườc cũng vội, và nếu đôi khi có tập uống chén trà Tàu, bắt chước ngâm bài “Hoàng Hạc” cũng cứ vội luôn.

Bây giờ, ngồi mà nhớ lại, tôi không thể nghĩ được rằng tháng Giêng ở Bắc có những sự vội vàng, vất vả nào nề đến như vậy. Người ta sống đúng như cái sống do các bậc quân tử Tàu chủ trương: sống đầy đủ, có thiếu một chút cũng không sao; làm việc cho mình, cho xã hội nhưng vẫn có thì giờ đi thuyền trên đầm thơm hát bài “Hái sen” một mình; buôn tần bán táo ở đô thị, thôn quê nhưng vẫn dành thì giờ đi chợ kiếm một món ăn ngon cho chồng, rồi đến ngày rằm mong một vãn rảnh rang đi lễ cầu cho sống lâu, giàu bền, dân an, quốc thái và có hội

hè gì vẫn sửa nếp áo mới, tô đôi má cho hồng để cùng với chồng vui chơi thưởng thức.

Từ ngày mồng bốn tháng Giêng, ở các làng vùng Bắc bắt đầu mùa quan họ.

Hát cho lở đất long trời,

Cho giới biết mặt, cho người biết tên,

Hát từ chợ Phủ hát lên,

Hát suốt tỉnh Bắc qua miền tỉnh Đông,

Hát sao cho cạn dòng sông

Cho non phải lở cho lòng phải say.

Người vợ bảo chồng:

– Anh đã biết hát ví rồi. Lối hát này, trai gái hát quanh năm, tát nước hát, già gạo hát mà dún đu cũng hát. Hát quan họ khác thế: lối hát này chỉ có riêng

trong những ngày hội mùa xuân, trai gái hát cầu vui, nhưng có nhiều làng còn tổ chức hát thờ thần, trao giải. Muốn vào hát giải, trai gái phải biết năm giọng rất khó hát là Tình Tang, Đường Bạ, Hũ La, Xuống Sông, Lên Núi... Hay lắm! Nhất niên nhất lệ, tội gì bỏ sót một buổi nào...

Vào ngày chín tháng Giêng, làng Nội Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tục gọi là làng Nến) có rước thần kể hạnh, hát đúm, nhưng mê nhất là trò kéo chữ.

Những tay cò, dưới hiệu lệnh của một vị chỉ huy, chạy ngang dọc ngược xuôi thành một hàng chữ có ý nghĩa. Những chữ này phải làm lễ xin thánh ban cho, chứ không phải muốn dùng chữ gì cũng được. Có năm là “Phong đăng hòa cốc”, có năm là “Thiên hạ thái bình”.

Nhưng mê nhất là hát tuồng. Bây giờ ở đây tuồng cải lương và kịch được công chúng ưa xem, nhưng riêng tôi thì cứ ra Giêng, ngày trước, thế nào vợ chồng cũng phải đi xem tuồng cổ, để nhân dịp đó bói tuồng xem năm mới làm ăn ra thế nào rồi đến lúc tan hát ra về, vợ chồng dắt tay nhau đi nhón nha dưới bóng trăng bàn luận về vai trò Khương Linh Tá đóng thật tài, hay Quan Vân Trường quá ngũ quan trăm lục tướng trông ghê quá...

Cuối tháng Giêng có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc, chỉ chừng mười giờ tối thì trăng mọc cao lên đỉnh đầu.

Cái trăng tháng Giêng, non như người con gái mơn mớn đào tơ, hình như cũng đẹp hơn các tháng khác trong năm thì phải: sáng nhưng không đẹp

lộng lẫy như trăng sáng mùa thu, đẹp nhưng không đẹp một cách úa héo như trăng tháng Một. Cái đẹp của trăng tháng Giêng là cái đẹp của nàng trinh nữ then thùng, vén màn hoa ở lầu cao nhìn xuống để xem ai là tri kỉ, mặc dầu không có ai thấy để đoán biết tâm sự mình, nhưng cứ then bâng khuâng, then với chính mình. Ánh trăng lúc ấy không vàng mà trắng như sữa, trong như nước ôn tuyên. Đi vào giữa ánh sáng mờ hồ ấy, mình cảm như thấy mình bay trong không gian vô bờ bến.

Nằm trên cái giường tre ngoài vườn kê dưới một gốc lan tây thơm phức, mình nghe rõ ràng có tiếng trăng thủ thủ thì thầm. Ở nhà ngoài, vọng vào câu chuyện của mấy cô hàng xóm. Không, vào tháng Giêng, người Bắc Việt ít có giải trí ngheò nản trong rạp hát, nhà xi nê hay tiệm

nhảy: một bà nói chuyện mới đi lễ chùa Trầm về, xin được một cây xăm “thượng thượng”; một cô khác trình trọng đưa biếu người chị em thân một gói trà Thiết Quan Âm của ông bác vừa ở Trùng Khánh về ăn Tết; một bà khác nữa giờ hộp trầu ra, vừa nhai vừa cuốn theo lối “sâu kèn” những điều thuốc lá ta ướp hoa ngâu.

Vào khoảng nửa đêm, thành phố im lặng. Có mấy hạt mưa xuân bắt đầu. Người chồng đóng cửa lại, vào nhà. Không khí lại càng thân mật thêm lên. Chắt chiu trong mười mấy năm trời, kể từ lúc còn hai bữa cơm đèn cho đến bây giờ có đồng ra đồng vào, người vợ đêm xuân cảm thấy con tim có cánh, rót hai li rượu nhỏ màu trắng cùng đối ẩm với người chồng lấy nhau từ lúc hãy còn nghèo túng. Này, trầu vàng, vỏ tía ngon đáo

để, hay là ta ăn một miếng, rồi bói một quẻ Kiều đầu năm xem xấu tốt ra sao hãy đi ngủ, hờ mình?

Chao ôi, đến cái thú bình dân nhất là ăn trầu, ở đây người sầu xứ cũng thấy không ưng ý. Suốt cả tháng Giêng, cau đất, bảy tám đồng một quả, cổ mua mà ăn vẫn cứ cứng quèo quèo. Hầu hết phải ăn bằng cau khô. Mà càng ăn như thế thì lại càng nhớ những miếng trầu ngày xuân ở Bắc, ăn với miếng cau “tiên đầm” ngọt cứ lừ đi. Ngồi đánh tam cúc hay rút bắt với nhau, những người bạn của chồng xưa nay ăn trầu vẫn kêu cay đắng thấy vợ bạn nhai ngon quá cũng “xin” một miếng ăn cho ấm người, mà cũng là để lấy may vì “mười bốn ván liền rút toàn nhị tổng cữu, tam tổng bát”.

Bây giờ, đâu còn những cốc rượu, những miếng trầu, những đêm rút bắt

say sưa như thế nữa? Đâu còn những chén hạt mít vợ mời chồng nhấp men tình, đâu còn những buổi họp bạn đến một hai giờ sáng - vì không có giới nghiêm! - rồi quay ra ăn bánh chưng rán với cá kho, giò thủ, và tráng miệng với chè đậu đãi, uống trà mạn ướp sen?

Người khách xa nhà nằm ngửa mặt lên trần, mơ lại những ngày xuân đã mất và cảm như tất cả những cái vui đẹp, say sưa đó thuộc vào một tiền kiếp xa xôi.

Không. Y không phải là một người hèn nhát, nhưng mang trong mình một lúc tới bảy tám biệt li, quả là có lúc y buồn quá cũng muốn chết đi cho rảnh. Không có lí nào y lại khóc với lòng! Y cố nhắm mắt để ngủ thì đến gần sáng bỗng mơ mơ màng màng thấy ở cửa đi xuống vườn, nơi rặng chuối, có bóng một người

đàn bà đẹp, mặc áo xanh, bước qua cửa sổ vào viện sách.

Đêm tháng Giêng ở Sài Gòn nóng quá, có khi gần sáng mà người nằm ngủ hầy còn lã chã mồ hôi. Bóng người đàn bà đẹp cúi xuống lau trán cho người mê ngủ. Và bỗng nghe thấy như xa, như gần ở bên tai:

“Thường tình, ai cũng ưa hiện tại bởi vì hiện tại chờ đợi những đổi thay, hứa hẹn những tương lai hứa hẹn, thế mà làm sao anh cứ băn khoăn mãi với quá khứ làm gì? Hay là tại sầu nhiều chẳng, giận nhiều chẳng?”

Người sầu xứ, trong cơn mơ thêm thiếp, phảng phất thấy hình bóng của người đàn bà mặc áo xanh đó quen quen, mà nghĩ mãi vẫn không biết là ai. Đó là một người quen biết thực, trong

đời sống thực? Hay là hình ảnh của một mùa xuân đã chết, của một cái đẹp đã mờ xa, một mối tình chung thủy nhưng nào nùng, ai với ai cùng xây một mộng ước mơ nhưng bị trời bắt phải lìa nhau lúc sống?

Người đàn bà mặc áo xanh lại nói:

– Vui và buồn ở đời là tuần hoàn cả. Tất cả bí quyết của sự sống là biết tin tưởng và đợi chờ, vì tin tưởng và chờ đợi thì cái gì mà chẳng đến? Anh đọc sách có còn nhớ chuyện Pygmalion không?

– Đó là một nhà điêu khắc có tài ở trên một hòn đảo xanh biêng biếc giữa đại dương thần thoại.

“Pygmalion đem hết tâm hồn tạc nên một pho tượng đẹp, tượng nữ thần Galatée, đẹp quá, đẹp vô cùng là đẹp, đến

nổi chính mình lại say mê tác phẩm của mình.”

“Nhưng người đẹp chỉ là một vật vô tri, hiểu đâu được tình cảm náo nùng của nhà nghệ sĩ? Pygmalion than khóc ngày đêm và, ngày đêm, khẩn nguyện được có một người vợ đẹp tuyệt trần như pho tượng. Thì một sớm kia tiếng khẩn cầu thần đến tai thần Vệ Nữ. Và bà thần này - vốn giống đa tình, thương người đồng điệu - đã hóa phép cho pho tượng Galatée thành ra người thực để cho ‘chàng’ và ‘nàng’ chung sống với nhau”.

Người đàn bà đẹp mặc áo xanh nói tới đó thì vòng tay ta khép lại, làm cho trắng non ở ngoài cửa sổ cũng phải thẹn thùng.

Đôi mắt đẹp lung linh sâu. Ta thấy như cả một mảnh vườn thơm ngát hương cau nghiêng xuống mé giường xô lệch.

Em yêu ơi, sống là tin tưởng và chờ đợi, nhưng biết rằng mái tóc người ta có còn xanh mãi được chăng?

Du Tử Lê

Lúc người chết

*Hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy bóng tối
một hồn đầy hương phai
một hồn đầy gió nổi*

*Hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy mắt đỏ
mưa nổi liền vai người*

*buồn nỗi liền thân tôi
tình nỗi liền nỗi chết*

*Hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy bão rớt
một hồn đầy điên mê
một hồn đầy mộ địa*

*Hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy môi người
một hồn đầy tóc rối
một hồn đầy máu tươi
một hồn đầy tay siết
một hồn đầy ngực thơm
chân đưa lời cáo biệt*

Hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy cơn trùng
một hồn đầy tháp chuông
ngân nga lời báo tử

Hãy mang đi hồn tôi
khi cuộc tình đã hết
còn lời nào cho vui
còn mắt nào không tủi

Hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy trái rụng
đời đã đời chia đôi
tình đã tình khốn nhục

*Trước khi người sẽ chết
nhớ một lần đêm nay
mưa đắp mềm vai người
buồn đắp mềm thân tôi
quanh ta đời đã lụn.*

DU TỬ LÊ

(11-70)

Dương Nghiễm Mậu

Như kẻ truy lòng

Khi chuỗi người được vào trong hầm, tôi ngừng lại một lúc để làm quen với bóng tối vây quanh, trong ánh sáng mờ mờ tôi nhìn vào góc tối quen thuộc nơi cha tôi vẫn ngồi, tôi thót người hốt hoảng trong giây phút, tim đập mạnh, chỉ còn một ổ rơm bỏ trống với dấu vết của một chỗ ngồi. Cha tôi đã biến đi đâu ? Tôi tưởng tượng tới chuyện cha tôi đã ra khỏi hầm và biến vào một thế giới nào đấy, biết đâu, trong đêm trước một người nào đó, người bạn cũ chẳng hạn, đã đến

đây với mũi nhọn trong người mang cha tôi đi, rồi một bản án ghim trên ngực và một con mã tấu đâm suốt từ lưng sang ngực, hay một viên đạn xuyên mang tai... Tôi run lên với những lo sợ. Tôi đứng im lắng nghe, với những cố gắng tột cùng tôi tìm kiếm cha tôi... vách phía trước mặt, lỗ thông hơi với ánh sáng, bên trái tôi và bên phải, tôi giật mình, cha tôi đang đứng ép người vào một vách ngay bên người tôi. Tôi thở ra, lấy lại bình tĩnh :

– Cha, cha làm gì vậy ?

Tôi nghe thấy tiếng cha tôi thở dài, bỏ chỗ đứng và ngồi xuống nơi ở rơm :

– Tệ quá, thời gian làm cho cha mất đi khả năng chịu đựng, cha đứng thẳng xem mình còn sức khoẻ không, tệ lắm rồi, đúng đã thấy mỗi đầu gối đã thấy run và hơi thở không đều nữa...

Cha tôi cười thành tiếng. Tôi đã quen với bóng tối đi tới ngồi xuống bên cha tôi. Như một thói quen cha tôi nói :

– Con hãy kể những chuyện con biết cho cha nghe...

Tôi ngồi và nói cho ông biết những chuyện đang diễn ra ở trên mặt hầm, những trận càn quét, những sinh hoạt của mọi người, trong đó có chuyện một thanh niên trong làng đã dẫn Tây từ đồn về khai lên một cái hầm của du kích, bắn chết hai người, bắt đi một người và đốt ngôi nhà có hầm...

– Anh ta bị bắt cách đây một tuần, hôm nay trở về với vẻ vàng vọt, chú nói Tây nó đánh đã man anh ta không chịu được nên khai, anh ta là con bà nhiều gì dưới xóm dưới, ngay sau khi Tây dẫn người con về khai hầm thì ông bà ấy vội

vàng ôm quần áo chạy lên huyện vừa đi vừa khóc, họ sợ đêm du kích về thì khó sống.

Cha tôi thở dài :

– E rồi cũng có ngày Tây nó khai được hầm của cha cho mà coi, con bị đánh có khai cho cha là Việt Minh không ?

Một cảm giác lạnh buốt chạy suốt sống lưng tôi. Tôi hình dung tới khi mình bị treo lên xà nhà, bị cột điện vào chân tay, bị ngâm vào trong bể nước dơ bẩn, bị đổ nước xà phòng vào miệng rồi người ta dùng một tấm ván đè lên bụng mà nhảy lên cho ói hết mật xanh mật vàng... có khi lúc ấy tôi sẽ khai cha tôi là Việt Minh...

– Cha đang đào cho hầm sâu hơn một chút nữa...

Vừa nói cha tôi vừa trở lại nơi cha tôi vừa đứng, ông cầm lấy chiếc bát và đào đất lên, tôi thấy ở chỗ đó đất đã sâu hơn xuống một chút.

Nhờ đất dưới hầm và dưới sâu nên mềm, với chiếc bát cha tôi có thể đào được một cách không khó khăn nhưng chậm chạp. Ông cúi làm việc như quên tôi có mặt ở bên, trong bóng tối nhờ nhờ tôi nhìn thấy những cổ găng nơi ông dồn vào một bên tay ra sức đào sâu thêm chiếc hầm của mình, trên thái dương, những nếp gân như cũng nổi lên với những cổ găng của cha tôi, nơi đó tưởng như mồ hôi cũng đang vã ra.

– Con đã thấy một người già chết ở trước mặt bao giờ chưa ?

– Chưa.

– Cha đã thấy ... một người giãy chết trước mặt, biết ông ta chết mà không sao cứu được, người ta cắt cổ người ấy, máu phọt ra nơi cổ như người ta cắt tiết một con gà, sau đó là những bọt, chân tay thì giãy giãy nhẹ nhẹ, có cái lạ là người đó không chết nhanh chóng, anh ta vẫn cố gắng thở như bám chặt lấy đời sống... bây giờ hình ảnh đó như vẫn còn hiển hiện, lúc bấy giờ người ta như thế nào nhỉ.... Trước đó, với con người đó, anh đã nhìn thấy một con người khác, hắn là kẻ cầm con mã tấu từ từ cửa lên cổ kẻ được coi là thủ địch kia, nào đâu có phải là một nhát chém mạnh cho xong ngay, hắn không muốn thế, hắn nói : phải bắt nó chết từ từ, chết trong đau đớn, xưa kia vua chúa trị phạm nhân còn đặt ra lệnh “tùng xẻo” thì đủ biết, một tiếng trống đánh lên, một miếng thịt được cắt

khỏi cơ thể, cho tới lúc kẻ kia chỉ còn lại một bộ xương... Kẻ ấy chết vì bị kết tội Việt gian, trong người mang cờ tam tài, một miếng và nơi lằn trong chiếc áo khoác, còn để làm gì nữa, chính là dùng để ra hiệu cho máy bay Pháp dội bom xuống bộ đội... Cha đã sống giữa một phiên tòa, một phiên tòa được coi là của nhân dân kết án kẻ kia, người ta la hét, chửi bới, lớn tiếng như một bầy thú điên cuồng, trong cuồng nộ của đám đông kẻ bị mang ra xét xử chỉ còn có cái chết chờ đợi, hắn không được bào chữa, tiếng nói của hắn bị tước đoạt, giành giật, hắn xanh như tàu lá giữa đám đông và tiếng nói của hắn biến mất, với đôi mắt thất thần hắn nhìn quanh nhìn quất nhưng chẳng còn ai có thể cứu được hắn... Hắn chết trong cơn cuồng nộ của kẻ khác và trong sự u tối, ngu xuẩn của đám đông

bị dẫn dắt lôi kéo bởi những mưu toan,..
Cho đến ngày nay cha vẫn không quên
được sự việc...

Cha tôi bỏ chiếc bát xuống, đứng
lên, dựa lưng vào vách hầm, ông đứng
thật thẳng, hai chân bỏ xuống hố mới
đào thêm, ông giơ tay lên khỏi đầu :

– Chưa được. Ông vừa đặt tay lên
trần hầm vừa nói ngắn gọn, phải đào
thêm nữa, như thế này chưa đủ để treo
cổ mình lên.

Tôi nói nhanh trong hốt hoảng :

– Cha định chết ?

– Có lẽ chỉ còn cái chết cho cha, cha
không muốn chết một cách khổ sở.

Tôi ngồi im nhìn cha tôi đứng dán
lưng vào vách hầm, mái tóc dài vuốt

về phía sau, những sợi râu dài, đôi mắt nhắm lại, đôi má sì xuống như da mặt một người bị phù thũng... Trong bóng tối nhờ nhờ tôi thấy cha tôi như đã chết từ bao giờ. Có phải tôi đang ở bên một người đã chết, có khi không phải là cha tôi nữa mà là một con ma nào đấy ? Tôi nghĩ tới một người bị căng lên vách Ván và những cái đinh dài đóng khắp thân thể, hình ảnh của Chúa Cứu thế trên thập tự giá...

Tôi không hiểu được rằng chúng tôi đã đứng im như vậy trong bao lâu, mãi cho tới lúc tiếng cha tôi nói mới đưa tôi ra khỏi cơn mê chập chờn nhòa lẫn, những u tối chờn vờn quanh quất mù đục như bầu trời lúc gần tối trong những ngày mùa đông lạnh giá.

Cha tôi ngồi trở xuống, ông lấy ra một cái bao, trong bóng nhưng tôi cũng

nhận thấy một màu xanh thiên lý đã cũ, tôi nhận ra đó là một cái ruột tượng, cái bao dành cho đàn bà thắt lưng, trong để tiền... Cha tôi vượt thắng cái bao trên hai tay dang ra : đây là cái ruột tượng của mẹ tôi lúc còn sống, cha dùng để giấy tờ.

– Con thấy không, nó cũng có thể giúp cha chết được một cách êm ái.

Vừa nói ông vừa quàng lên cổ, khoanh một vòng, cha tôi cầm lấy hai đầu và nói tiếp :

– Kể ra thì mình cũng có thể thắt cho chặt lại, nhưng cha sợ tới lúc mình thương mình quá mà không đang tay. Cha thương cha nhiều hơn, cha muốn đào cho cái hầm nó sâu thêm. Con sẽ nghĩ thế nào khi nhìn thấy xác cha đã lạnh, đã chết ?

Tôi ngồi im, lúc sau mới nói :

– Con không trông đợi điều đó, con vẫn mừng thấy cha còn khỏe...

– Nhưng con nghĩ thế nào, cha ví dụ thế, khi con trở lại quê mà chung quanh, mọi người thân yêu đều đã chết hết, không còn ai biết tới con.

– Con không tưởng tượng cho mình sống, con chờ đợi và sống với thực tại...

Giọng cha tôi chợt như bị lôi cuốn vào một dĩ vãng :

– Cái lần vượt ngục ấy cha không thể quên, khi nhớ lại cha không hiểu sao mình đã thoát chết, làm cách nào mà mình lại có sức mạnh để nhảy qua được những chướng ngại vật, cha nghĩ, giá lúc đó mình chết thì thật tuyệt diệu, nhưng lúc ấy cha không nghĩ tới chết, nghĩ tới

sống lâu dài... Người ta còn có thể chết vì tình được.

Cha tôi ngừng lại nhếch mép cười :

– Chết vì tình, cha chẳng thể có được điều đó...

✱

(Em yêu dấu, ngay khi gặp và yêu em anh muốn chết, anh muốn nói với em điều này nhưng tất cả tiếng nói đều biến mất khỏi anh, anh muốn tỏ dấu hiệu nào đó cho em nhận ra nhưng anh nhận thấy không có cử chỉ, dấu hiệu nào, cũng như tiếng nói còn có một ý nghĩa cho anh nói với em điều đó, mọi điều đều tầm thường, vô nghĩa trong khoảnh khắc tuyệt diệu mà anh đắm chìm trong đó, cơn hạnh phúc tinh khôi, chính ở đó cũng là nỗi tuyệt

vọng thất ghen sự sống vô nghĩa, khoảnh khắc ấy chừng như chỉ đến với chúng ta trong một lần nào, như chúng ta có lúc chợt nhận thấy sự mong manh của một khoảnh khắc thời gian chợt ngừng lại... Trong cơn mê đắm, anh bay lên từng mây, anh nương theo bóng ngựa hồng đang phi nước đại, anh dựa theo gió với đôi cánh rộng mà em như bà tiên đã hóa phép đưa đến tặng anh, đôi cánh rộng đưa anh bay bổng, phiêu du, thoát khỏi vùng trời nhỏ hẹp của cuộc sống, trong không gian rức rở anh chỉ thấy có anh ở đó cùng em với hương tóc như hương cỏ hoa nồng nàn...)

✱

Người lớn tuổi nằm dài xuống chiếc ghế đá nhìn lên bầu trời, vầng trăng non thấp thoáng trên cánh lá, người trẻ ngồi

hút thuốc lá nhìn suốt theo con đường ra ngoài cổng bệnh viện, những đường kẻ trắng, hai bờ cây xanh thấp thoáng ngoài xa, không khí hoàn toàn im vắng.

– Anh có trông đợi cha anh chết không ?

– Anh nghĩ tôi nghĩ vậy sao ?

– Tôi biết có người trông cho người thân yêu chết, không phải là vô nhân đạo, chính là vì thương yêu quá mà không thể nào giúp đỡ được gì cho người đó. Như trường hợp anh...

– Không, tôi không trông điều đó, thực tình tôi muốn có một ông cha bình thường như mọi người, ông làm đồ chơi cho con cái, trông nom cho con học hành... anh có ước như tôi vậy không ? Tôi mong ước một cuộc sống yên bình

giữa cha mẹ, anh em, anh nhớ không, không khí như trong sách Quốc văn giáo khoa thư vẫn tả với vẻ êm ấm của gia đình xum họp dưới ánh đèn...

– Sau đó cha anh treo cổ chết ?

– Không, ông không đủ thời gian để đào cái hầm cho sâu thêm nữa.

– Thời gian, tôi muốn nói tới thời gian. Tôi đã không nói lại với anh được một cách mạch lạc, cái đầu tôi nó nhiều khi cũng không còn thứ tự nữa. Thật là mệt. Những điều tôi nói với anh kéo dài trong bốn năm, anh hãy nhớ lại thời gian đó, nghĩa là vào khoảng những năm 1950 gì đó, cha tôi không còn đủ thời nữa mà. Tôi có khi hàng tháng mới gặp lại ông, bởi vì chạy đi chạy lại giữa tỉnh với quê, những công việc của riêng tôi, tôi như con tin của một thế giới, của một cõi

sống, tôi nói lại với cha tôi những gì tôi được biết, từ việc vua Bảo Đại về nước ra thăm Hà Nội tới những trận đánh khùng khiếp trên quốc lộ số 5, những điều tôi nói lại đó tôi có được từ trên những tờ báo, tôi cũng không quên nói với ông về những sinh hoạt ở tỉnh, ở quận, trên dọc đường tôi di chuyển, cả chuyện người ta buôn lậu thuốc tiếp tế ra khu, có nhiều khi tôi hết cả chuyện để nói với cha tôi, mỗi lần đi xa, trở lại, tôi thấy rõ sự trông đợi của cha nơi tôi...

– Tại sao anh không đưa cha anh lên khỏi hầm ?

– Sau này tôi cũng hỏi tôi như thế, nhưng khi tôi nhớ lại thì thực là lúc đó, với những điều cha tôi nói về chính ông, và những điều chung quanh đã khiến tôi không thể làm điều đó. Anh hãy nhớ tới sự rình rập của người bạn cũ của cha

tôi, rồi sự có mặt của lính Tây. Như anh biết, cha tôi không bị giết, cha tôi không muốn sống với Tây, nghĩa là không có nơi nào cho ông trừ cái hầm...

– Ông có nghĩ là ông sẽ chết ở dưới đó không?

– Có lúc tôi nghĩ ông chọn cái chết cho ông, như anh đã thấy, nhưng đồng thời cha tôi cũng tin tưởng một cách mơ hồ rằng rồi cha tôi sẽ có hoàn cảnh để ra khỏi hầm, ông tin có những đổi thay, đổi thay khiến không có mặt cả hai phe mà ông đã không chấp nhận.

– Thực tôi không thể tưởng tượng được.

– Thế lúc bấy giờ anh nghĩ gì, anh sống thế nào ?

– Tôi đã bỏ kháng chiến trở về vào

những năm mà đời sống ở ngoài khu thay đổi, người ta bắt đầu phát động quần chúng, nghĩa là từ khi mà anh em đệ tam nói với chúng tôi rằng : họ đi con đường cách. mạng vô sản, tôi về tể, nghĩa là phản bội kháng chiến, anh đừng cười, tôi phải nói rõ như thế, vì thực ra lúc đó chúng tôi ở một cách thế rất khó nói, về vùng Tây chiếm đóng thì rõ là mình phản bội kháng chiến chứ còn gì nữa, phải không, tôi trở về giả cầm giả điếc, tôi có ý định đi Nam bộ, người ta nói với tôi về những chiến khu vừa chống Cộng vừa chống Pháp, tôi thú điều ấy quá, nhưng rồi tôi không đi được, những bận bịu đa đoan của đời sống gia đình, rồi tình hình quay quắt một cách nhanh chóng cho tới lúc đất nước chia hai, thế là mình đi Nam. Tôi nghĩ đây là cơ hội tốt, như vậy là quốc cộng có thể khởi đầu rồi, mình sẽ không bị cái mặc cảm đi theo Tây

nữa, mình sẽ chống với người đệ tam ở tư thế quốc gia tự lực, điều này chắc cha anh cũng trông mong. Tôi đã phấn khởi không ít...

Người lớn tuổi ngừng lại, chùng như có tiếng thở dài, trăng mỗi lúc một sáng hơn trong khu vườn cây xanh, không khí của một cõi sống êm ả, trăng muốt như một giải lụa huyền ảo. Người trẻ tuổi chống hai tay về phía sau, ngửa mặt lên trời :

– Trăng đẹp quá... .

(Ánh trăng như thả xuống mặt biển những viên kim cương theo với những lớp sóng không ngừng chuyển động, chân trời hút xa vô tận. Làm cách nào mình có thể bay lên trời được không anh. Được chứ, em nhắm mắt lại thử coi, em có thể bay lên được. Anh nhìn thấy không, như một

con sư tử đang há mồm, kìa anh nhìn coi, như nó sắp... Mái tóc bay lả tả, tà áo cánh trắng vút đi như một cánh bướm, tiếng nói thánh thót giọt dương cầm... ánh trăng đục lờ cả một vùng biển, những ngọn dừa ru mình vào trong cơn huyền mộng nông nàn. Anh thấy không, nó đang đuổi chúng ta, chạy nhanh lên anh... tiếng nói loãng tan vào trong bầu không khí hoang vắng và mất tăm trong đó, anh ơi, anh hãy cứu em với, nhanh lên, con sư tử đang đuổi em, em sợ lắm... Những bước chân cuống quýt, vùng biển mỗi lúc một rộng cùng với ánh sáng trong xanh của trùng tin của trăng non, cỏ cây, nước và cát đang ru mình thêm mãi vào không khí một cuộc sống của thế giới khác, nghe như tiếng biển rì rào không ngừng một bản hòa tấu và tiếng bước chân chạy tan loãng. Anh ơi...)

Tiếng thở dài lạnh buốt. Người lớn tuổi ngồi trở dậy. Người trẻ tuổi đốt một điếu thuốc, mùi diêm sinh ngầy ngật, ánh lửa đỏ bệnh hoạn...

– Tôi muốn được chết.

Điếu thuốc cầm ra tay, ngậm khói thả lên bầu trời:

– Tại sao người ta không tự tử ?

– Tôi muốn nói cách khác: tại sao người ta sống ?

– Anh thì có thể trả lời được, tôi thì không.

– Anh đừng bắt tôi làm việc đó. Nhưng còn cha anh?

– Cha tôi không còn có thì giờ nữa. Anh hãy nhớ lại, như tôi đã nói, dù tuổi anh nhỏ hơn tuổi cha tôi, nhưng anh

thực sự thuộc về thể hệ cha chú tôi, anh đã sống như cha tôi, lựa chọn như cha tôi, trôi nổi từng ấy năm với những biến cố không ngừng, anh đã sống, hành động như mình nghĩ, tin tưởng, phải vậy không, cho đến nay anh vẫn còn muốn được sống, vậy thì anh hơn ai hết có thể trả lời : tại sao anh sống ?

– Tôi sống. Vậy thôi, tôi cũng không giải thích được. Thời gian với Đông phương là một vòng tròn. Đời sống không có trước sau như các anh nghĩ.

– Tôi không hiểu gì cả.

– Vì anh không chịu sống.

– Tôi mệt rồi. Anh chẳng chịu nhìn thấy chúng tôi, những kẻ đang lang thang thất thế đi tìm các anh, đi tìm anh để hỏi các anh một điều...

Người trẻ tuổi gập người xuống với cơn ho dữ dội, người lớn tuổi một tay đỡ lấy ngực một tay giữ lấy lưng vuốt ngực cho người bạn trẻ, điều thuốc cầm trên tay rung theo với nhịp ho. Lúc người trẻ ngừng mặt lên, người lớn tuổi nhìn thấy đôi mắt ràn rụa những lệ, những giọt nước mắt như không ngừng lại được cùng với nhịp thở hối hả, trong ánh trăng xanh những giọt lệ long lanh chảy dọc xuống theo hai gò má, da mặt nhợt nhạt hẳn đi, trong giây phút ấy người tuổi cầm chặt lấy tay người bạn trẻ. Giọng người trẻ yếu ớt :

– Anh quên những điều lắm cảm đó đi, những điều vô nghĩa... Có điều, anh có hối hận không ?

– Hối hận cái gì?

Người trẻ tuổi phác một nụ cười buồn như một nét vẽ nhòa nhuếch trên chân dung một ông già bệnh hoạn :

– Xin lỗi anh, tôi muốn nói : anh có hối hận là đã được sinh ra không. Xin lỗi anh, tôi lại lần thẩn...

– Không, tôi không hối hận.

– Tôi thì có. Tôi ân hận.

– Tôi chỉ ân hận mình đã không được sống như mình mong ước.

Người trẻ tuổi đứng lên, bước ra xa một quãng, dang rộng hai tay, mặt nhìn lên trời, ánh trắng xanh chan hòa trên những giọt nước mắt ràn rụa, tiếng nói như lạc đi xa lạ :

– Nhân danh Đấng Tối cao ta ban phép lành cho nhà người...

Trong ánh sáng xanh đục, người trẻ tuổi đứng im như một pho tượng đá, đầu ngả sang một bên, hai tay dang rộng, người lớn tuổi ngồi im nhìn lên, mỗi lúc kẻ đứng như một trôi xa thêm khỏi người bạn, tiếng nói mỗi lúc như một vang vào trong cõi hư không, tiếng vang không ngừng va đi va lại như tiếng sóng rì rầm vỗ không ngừng vào một vách đá. (Tôi thấy tôi như một pho tượng cát đang rã tan và loãng dần vào những lớp sóng đưa tôi vào trong lòng biển mênh mông...)

DƯƠNG NGHIÊM MẬU



giới thiệu :

MỘT CÁCH BUỒN PHIÊN

tập truyện LÊ VĂN THIÊN

Muốn mua xin gửi 80 đồng, bưu phiếu hoặc tem thư gửi theo lối bảo đảm, về ông Nguyễn Đình Vượng, Số 38 đường Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn, kèm theo tên họ và địa chỉ rõ ràng. Sách sẽ được gửi bảo đảm tới bạn ngay.

Huy Lực

Ảo ảnh

tặng Mai-Xuyên Đỗ Thúc Vịnh

rời ra phù phiếm năm năm

ngựa hồng nhẹ gót mù tăm côi về

từ xa vó ngựa chân đê

cuộc hành trình giữa cơn mê hãi hùng.

Đêm tiền đồn

bốn bề sương muối bủa quanh

hỏa châu đỏ rực năm canh rợn người

ta về tham dự cuộc chơi

rượu cần súng đạn với lời kêu thương.

Nguyễn Xuân Hoàng

CÁI BỌT TẮM

Mùa mưa. Những trận mưa kéo dài suốt đêm phà lạnh căn gác gỗ, một nơi rất nóng khi còn mặt trời dù bốn bề cửa mở, những trận mưa bay rào trên mái tôn nhịp nhàng, xoi mói tận cùng những ngõ ngách của đời sống hắt, cái đời sống tro troi và tro trên, cái đời sống chỉ còn lạnh lẽo hay cháy bỏng chứ không có được mực ấm áp trung bình. Mưa làm hắt không chớp mắt được, vả lại còn cái tác dụng kỳ diệu của

kích thích khác, mạnh hơn cả những cốc cà phê đen đặc, hơn cả những viên thuốc Maxiton đã làm đôi mắt hấn phải giương lên trong cái vẻ vỏ hồn của nó (hấn hiểu được tại sao người ta vì von con mắt với cánh cửa sổ, khi cánh cửa sổ bị hỏng không sụp xuống được, hấn nằm yên như người chết mắt trao trao nhìn dính một chỗ trên trần nhà, hai tay xuôi xì) như buổi tối hôm nay sự vắng mặt Thư bên cạnh chỗ nằm hấn làm hấn không thể nào chợp mắt.

Hấn đọc một trang sách, xem những hình ảnh của một tạp chí đầy màu sắc, chẳng có gì giữ được mắt hấn, hấn không hiểu nổi cái tâm trạng buồn bã đó. Mình có đời sống thật không hay chỉ là một ảo tưởng, ảo tưởng về sự sống ảo tưởng ? Tại sao trong những năm tháng quá ngắn ngủi kia ta lại bị buộc phải sống

những giờ phút quá dài dặc này? Có phải ấy là sự đau khổ, vết thương từ đó mỗi người tự đào xới mình để đưa vào hết cả trời cao và đất thấp, cả Thiên Đường và Địa Ngục?

Hắn nằm đó, trên sàn nhà, những tàn thuốc vắt bừa bãi (sao căn gác chưa cháy?) những sách vở rơi vãi hỗn độn (đời sống không có chỗ trong sách vở đâu, ai đã nói thế?) và hắn nghe được tất cả những động tĩnh lịch kịch quanh mình. Người đàn bà lấy Mỹ trở về nhà giấc khuya đánh thức tất cả hàng xóm bằng một thứ ngôn ngữ đặc biệt và kỳ dị của bà, tiếng máy xe Honda nổ giòn ở đầu ngõ, một tiếng súng vọng lại gần có lẽ ở bên kia cầu thành phố, tiếng ho khục khặc của người Tàu già làm nghề bốc thuốc phía dưới, và tiếng động kịch liệt trong đầu hắn, mưa như những cục

than hồng rơi mãi xuống cái chiều sâu của ý nghĩ hẩn, đốt cháy sự lạnh lẽo của những tế bào. Buổi tối hôm nay Thư không về, buổi tối hôm qua Thư đã không về, sẽ chẳng còn buổi tối nào Thư về nữa. Hẩn đã nhìn thấy nàng đi ra khỏi đời hẩn, cánh tay còn vẫy lại. Hẩn đã nhìn thấy nàng bay bổng trên trời cao, mắt nai còn ngó xuống. Hẩn vẫn còn nghe nàng cười, giọng cười trong như tiếng đàn. Hẩn sẽ còn ngửi được mùi da thịt nàng thở trong hơi thở hẩn, trong chăn nệm, trong quần áo, trong thỏi son còn đặt trên bàn phấn, trong ngăn tủ còn dấu ngón tay nàng. Và người ta gọi đó là đau khổ. Đau khổ ! Cái gì vậy ?

Hẩn vẫn thường tự hỏi mình khi thấy rõ là không thể lẩn tránh (dù chẳng để làm gì hết với sự lẩn tránh đó) không phải nhắc đến, sử dụng đến, gọi đến

cái chữ kỳ cục ấy. Mấy ngày đầu, nhìn thấy bộ mặt bơ phờ của hấn, lũ bạn cho hấn biết là hấn đang xuống dốc trông thấy. Xuống dốc ? Tại sao ? Hấn không đến uống nước ở chỗ mà bạn bè hấn vẫn thường tụ tập. Hấn ngồi với Như ở một quán nước lạ (có lẽ quen thuộc với nàng) và Như đã gọi một thức uống đặc biệt cho hấn. Như nói đây là trà bông cúc, và cũng như hấn, nàng chống tay lên cằm ngó mong ra ngoài cửa kính.

– Chị Thư mấy hôm nay có về nhà không ?

Tôi hỏi vội vàng như thể một mặt muốn Như đừng hiểu tôi hỏi gì, mặt khác tôi lại muốn nàng đừng giấu giếm tôi về chỗ ở của Thư.

– Em cũng chẳng biết nữa.

Nàng kéo, những sợi tóc xõa bên má, cắn chúng giữa hai hàm răng. Tôi chờ đợi trong cái vẻ ấp úng chưa xong câu của Như.

– Hồi này em ít về nhà lắm !

– Tại sao ?

Tôi cố làm ra vẻ không quan tâm đến việc đó. Như cúi xuống hớp một ngụm trà.

– Anh thấy không trà ở đây không phải vắt chanh. Chanh làm hỏng trà, chua không ra chua, ngọt không ra ngọt, trà không ra trà. Em nghiện trà này rồi.

Tôi nhìn khuôn mặt Như. Nàng có đôi mắt giống Thư, nhưng cái tóc, khuôn mặt và hàm răng của nàng thì hoàn toàn khác chị. Mái tóc ấy có cái vẻ riêng biệt của những cô gái mới lớn, để vuốt ve và

chải chuốt; hàm răng ấy có cái tham lam của những thiếu phụ vừa nghiêm trang vừa đa tình. Đó là một khuôn mặt để người ta say đắm.

Như hỏi :

– Hồi này anh ít nói nhỉ ?

Tôi cười, ngó chăm hơn nữa vào mắt nàng.

– Em thấy tôi khác trước sao ?

– Chẳng khác mấy. Có điều anh ít nói. Cái gì làm anh thay đổi vậy ?

Tôi cười. Làm thế nào mỗi người có thể giữ mãi cái trước đây của họ được. Nhưng nếu có thể, thì để làm chi. Tôi nói với Như :

– Em lại đăng tôi chơi đi !

Như không trả lời, nàng cúi xuống hớp thêm một ngụm nước trà. Lát sau, lâu thật lâu, Như đeo kính vào mắt, thứ kính to bản và tròn mà mọi người có thể nhìn thấy ở trên mặt của bất cứ một đứa con gái ngu xuẩn nào, soi mặt trong tấm gương trên vách:

– Lâu lắm em mới nghe một đề nghị hay của anh.

Và tôi đưa Như trở về nhà, căn gác gỗ trong thành phố.

✱

Như là một người đàn bà kỳ diệu. Tôi yêu nàng như một con heo yêu chậu cám của nó. Mưa không lớn nhưng lâm râm suốt đêm. Chúng tôi ngủ trong tay nhau và thức giấc cùng lúc với tiếng xe

Honda nổ giòn ở đầu ngõ đưa người đàn bà làm việc với Mỹ về khuya. Như đốt cho tôi một điếu thuốc, nàng không hút như chị nàng.

– Em hút ?

– Em ghét đàn bà hút thuốc.

– Tại sao ?

– Tại em ghét đàn bà hút thuốc.

Như làm tôi tức cười. Nàng chỉ giống Thư ở cách giải thích một ý nghĩ, nàng có ý nghĩ hoàn toàn khác Thư. Trong cơn yêu, nàng cắn trái tai tôi và rúc đầu trong ngực tôi. Nàng có bộ ngực nặng nề và mát, còn Thư hơi thở phà nhọt ở cổ tôi, nàng có bộ ngực nhẹ nhàng và nông nổi.

– Em pha cho tôi một ly cà phê đi.

– Chi vậy ? Ai lại uống cà phê giữa đêm bao giờ.

Về điểm này nàng cũng khác chị rồi. Thư thích uống cà phê sau một trận tình, nàng pha cà phê khéo đến nỗi tôi tưởng chừng như những bụi cà phê cùng hiệu ấy chỉ có thể thơm lên hơn nếu có tay nàng đặt vào.

Như nằm dài, dùng ngón tay vẽ vòng trên ngực tôi.

– Mưa chi mưa hoài !

Nàng nói cho ngón tay út của nàng nghe. Và ngón tay út nàng nói cho tôi nghe. Đàn bà quả thật là một con vật cái phi thường nhất trong các giống cái.

– Anh không nói chuyện với em ?

Tôi vuốt tay trên sống lưng nàng, tưởng tượng nếu nàng biết cảm miệng như một con hến, như những mái tôn trên đầu chỉ làm dội lại tiếng mưa và im lặng trong ngày nắng, tưởng tượng người đàn ông đầu tiên hôn Như trên chiếc giường rộng trong một khách sạn ở Chợ Lớn như nàng đã kể, tưởng tượng sự khao khát dục tình mà nàng phải giấu giếm, đè nén, kềm chế, tưởng tượng lại cơn điên cuồng thoáng qua mấy phút trước đây trên thân thể tôi, tưởng tượng con mắt của Thư nhìn qua lỗ khóa, tưởng tượng tiếng chân nàng trở về khua trên những bậc cầu thang bằng gỗ...

– Em có sợ chị Thư biết chuyện này không ?

– Anh có nghĩ là em sợ chị Thư không ?

Nếu tôi không có được cái cảm giác về sự nặng nề của trái ngực nàng trên ngực tôi, nếu tôi không ngửi được cái mùi da thịt kỳ quái của nàng phảng phất quanh tôi có lẽ tôi đã lầm Như là Thư. Tôi vẫn còn thèm uống một cốc cà phê nóng thật nóng, nhưng sự lười biếng không cho tôi dời chỗ nằm. Mưa thở rì rào trên mái tôn ngoài cửa sổ. Tôi nghe thấy tiếng còi xe cảnh sát từ xa rú lớn dần rồi nhỏ bớt lại cho đến khi mất hút.

Chúng tôi yêu nhau một lần nữa trong sự ồn ào của tế bào mỗi người, những tế bào không bao giờ chịu ngủ. Nhưng trong sự gần gũi cùng tột này Như không giúp tôi lấp đầy được nỗi trống rỗng của mình. Rõ ràng là tôi xuống dốc trông thấy. Mùa mưa sắp hết rồi. Cơn lạnh tắm trong gió thổi luồng vào căn buồng tứ bề của sổ này chỉ là một trận bão rút. Bão

rốt chính là sự tàn bạo sau cùng còn sót lại của sức mạnh mỗi người.

✱

Chẳng khác nào một hòn sỏi thả xuống mặt hồ, Thư chìm mất trong đó, vĩnh viễn tan biến trong đó, chỉ còn có cái bọt làm nổi lên phập phồng sau tiếng động của viên sỏi kia. Nhưng không lâu lắm, chưa kịp qua hết một đêm, chúng tôi đã bị đánh thức dậy một lần nữa để trình xét tờ khai gia đình.

Cái bọt tăm của tôi bị dẫn đi hồi bốn giờ sáng. Mùa mưa sắp hết. Tôi đốt lò nấu nước pha cà phê, để cho đủ tỉnh táo đi đón nàng:

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Mai Trung Tĩnh

Gã mang bấu trong mùa địa ngục

1- Tiếng gió như lời réo gọi, anh đứng im thảng thốt đợi chờ. Ai gọi anh đêm nay, đêm huyền mộng đêm phù chú đêm hoang vu mở cánh hư vô ? Anh tự nhủ anh đã đến đây tự cỗi nào mịt mù sương khói, làm khách vắng lai dong chơi xứ người chật hẹp. Một sớm chợt nghe sâu đau tự bấu trên lưng, anh khom vai gánh chịu gia bảo cuối cùng như niềm thách đố trên dòng định mệnh. Từ đó anh lang thang làm kẻ mọn hèn, nhìn nhỏ nhẻ nhỏ nhem. Nên biết có vô tâm cũng chẳng thể ngồi yên ổn, anh đành

hóa trang làm gã bán buôn, xuống phố ngược xuôi tập tành biển lận, góp tiếng mời nói đỏ trao đen. Riết rồi ra anh thấy anh mặt mày gớm ghiếc, một đêm cuồng anh tự tay cầm lửa đốt thiêu anh.

2— Em hãy hát lên, hát lên cho anh những lời quên lãng. Bởi từ thăm thăm vực sâu ở đó anh đã sống suốt một mùa địa ngục ma đưa quỷ ám, đọa đày anh bao cơn thống khổ hãi hùng, anh vừa nghe hoàng hôn phủ lấp mảnh hồn anh. Anh trốn chạy cô đơn như kẻ bị truy tìm. Không, không, tôi không giết ai, tôi vô can như đứa trẻ thơ rồn đùa ngoài bãi cỏ. Tôi chỉ nghe trong tôi tiếng gõ đập âm u của chiếc đồng hồ bí mật, nhắc nhở tôi ngày sẽ qua đời sẽ hết tôi sẽ tan. Và hỡi em yêu dấu ! Em có nghe trên tóc trên vai những lời thầm thì vuốt ve đe

dọa ? Em có nhìn anh lập lờ vất vưởng trong đêm hỗn loạn nhân gian ?

3— Bát ngát mênh mông như trùng dương bể cả trong lòng. Sớm nay anh chợt thấy cánh buồm em bé nhỏ nổi ở chân trời xa tắp. Xi nem hãy lại gần, lại gần thêm chút nữa. Đảo hồn anh, em có ghé thăm không ? Chiếc đảo từ lâu như khoảng rừng hoang không vết chân người thám hiểm, chỉ bóng hình con thú dữ đêm ngày rình rập lăm le lộ dạng, biến anh thành nơi dã thú xác xơ. Thôi em hãy ghé, hạ buồm và bỏ neo, đẩy thuyền lên nghỉ đỗ để hồn anh trừ phú phì nhiều.

4— Nỗi hân hoan như một lần sự thật. Tôi, kẻ thất tung bản quán quê

hương, một chiều bơ vơ lưu lạc chợt gặp người tự cho cùng xứ cùng thôn nơi lũy quán ven đường. Tôi niềm nở mừng vui quá đỗi, gặng hỏi gã rằng quê ta giờ ở phương nào ? Gã im lìm chẳng nói, chỉ tay cuối trời kia đang đỏ lửa hoang tàn. Tôi hãi hùng tỉnh giấc, vội nhìn ra, gươm sáng tủa hiên ngang. Tiếng xôn xao náo động bỗng liên hồi.

MAI TRUNG TĨNH

(10-70)

BỬU Ý

NGƯỜI ĐÀN BÀ ÁO TRẮNG

Hắn nhón gót bước thật nhẹ vào phòng. người đàn bà vẫn đứng quay lưng về phía hắn, nhìn ra ngoài cửa sổ. Trước khi vào, hắn đã để ý người đàn bà đứng yên chỗ đó, không cử động, không lên tiếng ; nếu chẳng có bộ áo quần thùng thình mái tóc dài nát thì hình người đó chẳng khác gì pho tượng. Người đàn bà đứng thật lâu, không hiểu nhìn gì ở ngoài vườn, hay mắt đã trắng dã vô cảm xúc... hay đã chết như cây trồng ? Bóng đêm không tối hắn, ánh sáng nhờ nhờ lung linh giữa ô cửa sổ. Hắn đảo

mắt chốc lát quanh phòng. Gian phòng như đang thấp thỏm. Tiếng trống thành thành trong lồng ngực hắn. Vô lượng sao sa trong vùng mắt hắn. Không có gì khó chịu bằng chờ đợi. Hắn biết mình phải động thủ. Nhưng sao người đàn bà cứ đứng thẳng hết người như thách đố ? Hắn mừng tượng qua gáy nàng nụ cười nhợt nhạt mĩa mai thấu suốt âm mưu hắn, Mặc, không lùi được nữa. Không lúc này thì chẳng còn lúc nào, sẽ không bao giờ nữa. Một đời hắn mới có lúc này là một, lúc mà tất cả gan góc liều lĩnh tiết ra ánh mắt, ra từng ngón tay. Mà phải trong phút này, cái phút khốc liệt nhất. Nếu để phút này trôi qua, sợ mọi sự sẽ đổi thay toàn diện. Từ phút này đến phút kia, vẫn có khoảng cách. Khoảng cách làm bằng dẫn đo, sợ hãi, tình cảm... Bao nhiêu thứ nhưng nhúc nởi dậy làm ù tai quáng mắt. Hắn quyết liệt bao nhiêu

lúc ra đi thì bây giờ lạc lõng bấy nhiêu. Trước mặt hắn, người đàn bà vẫn ù lì như thân cây, lạnh băng như tượng đá. Hắn không ngờ chạm phải cái khối vô linh hồn nhưng bất khuất đến mức đó. Chờ đợi cái phút người đàn bà sẽ quay lại, hoặc cử động bất cứ cách nào. Như thế dễ cho hắn hơn. Hắn sẽ khỏi cần tìm hiểu, bản khoản. Phút chờ đợi có thể đến bất cứ lúc nào. Thế mà hắn chờ đợi hoài công. Thà người đàn bà cười lên một tiếng, hay trừng mắt nhìn hắn, hay hét thất thanh, để nó cảm thấy rằng, nhận thức rằng... Chứ cứ thế này hắn chịu không nổi. Nếu im lặng tiếp tục, cái lưng kia vẫn bất động, hắn sẽ điên loạn mất. Sao cục diện dồn đẩy hắn vào cái thế khốn đốn dường này. Vô lý. Phải tiêu diệt cái vô lý đi vậy, nghĩa là người đàn bà trước mặt. Không cần thận trọng gì nữa, hắn cử động mạnh, đồng thời hét

lên một tiếng. Thật tình hắn không hiểu tại sao hắn cần phải hét, và tại sao người cần phải hét đúng ra là người đàn bà lại không hét. Cho nên hắn hét thiếu tin tưởng. Tiếng hét của hắn xuất khẩu chỉ là một tiếng hét chưa thành mà âm vang như một tiếng ú ớ trong cổ họng. Hắn bất thần lao đến cửa sổ như tên bắn. Người đàn bà ngã sấp người xuống nền nhà. Hắn chẳng còn nom thấy gì nữa, ngoài chiếc cổ tròn, cao và trắng toát. Và hai bàn tay lông lá của hắn đặt lên đó. Mười ngón tay siết dần vào, siết vào... cho đến khi nó cảm thấy lạnh nhũn hai tay. Hắn ngồi như thế, nhìn chết vào người đàn bà đã gãy gập úp mặt. Đầu óc trống rỗng, hắn thù người sau một việc làm vô thú vị. Hắn thả người dậy, bước chân di chuyển uể oải về phía cuối phòng, ngõ mà hắn đã vào. Hắn sửa soạn bỏ đi, bỗng nhiên hắn đứng khựng lại, nhìn ngoái

thi thể trắng toát rồi từ từ lại gần. Hấn quỳ xuống, nâng mặt người đàn bà lên. Không còn nghi ngờ gì nữa : người đàn bà nằm chết mắt còn mở kia là vợ hấn. Sự phát giác tưởng du hấn vào tận cùng kh-iếp đảm, đàn ông này hấn không tỏ vẻ ngạc nhiên. Tia mắt hấn không có gì thay đổi, vẫn đượm mệt mỏi chán chường. Không có một cái gì trong con người hấn đánh dấu một sự dột lên, dù nhỏ, sau khi hấn lật mặt người đàn bà.

Lần này hấn bỏ đi hấn. Nhưng hấn bước chưa khỏi cửa thì có tiếng cửa phòng xích mở sau lưng. Hấn quay lại. Trong bóng tối lơ nhố một đám người trắng toát đứng án ở ngưỡng cửa đối diện, bọn người này hết nhìn chăm vào hấn lại nhìn người đàn bà nằm dưới sàn nhà. Họ đã hiểu. Hấn đã bại lộ. Hấn không sợ. Chúng nó bao nhiêu người, hấn bắt

cần. Thủy chung hấn chỉ cần nhổ một cái gai trước mắt, nghĩa là người đàn bà áo trắng. Cái gai đó đã nhổ đi, kỳ dư đều là thứ yếu. Hấn lạnh lùng quay gót bỏ đi. Nhưng bọn người kia nhanh như cái bóng, thoắt một cái, đã xáp tới sau lưng hấn và hét vang rền :

– Giết mạng đền mạng ! Giết mạng đền mạng ! Giết mạng...

Tiếng hét tưởng chừng không dứt và nhịp nhàng như tiếng trống, âm lượng vang vang và dội bỗng lên đến đỉnh tai nhức óc. Đầu hấn quay quay, máu bùng nóng, mắt hấn loé sáng vừa bắt gặp một con dao dài tình cờ nằm phơi bụng trắng trên mặt tủ gần đó. Hấn đưa tay ra chớp lấy, vung tay một vòng như múa võ. Cả đoàn người thét lên một tiếng long trời ngã xuống một loạt, im lìm, trắng toát.

Hắn bỗng giật mình, ngồi bật dậy trên giường ngủ, trố mắt quanh, hốt hải. Đêm vẫn còn. Trời gió dữ, cánh cửa đánh ầm ầm. Cơn ác mộng vừa qua, thêm vào đó khí trời oi nồng làm hắn ngạt thở bứt rứt. Đèn bật lên. Hắn chợt nhận thấy tấm bình phong bị gió quật ngã sóng soài trên sàn đá. Hắn liên tưởng đến người đàn bà áo trắng và bọn người áo trắng không rõ mặt trong mộng. Một cốc rượu mạnh sẽ giúp hắn trong lúc này. Nghĩ vậy, hắn mở cửa phòng ngoài, bật hết cả đèn sáng choang, tìm đến chai rượu mạnh. Dần dần hắn thấy dễ chịu. Ngồi lại, hồi tỉnh, hắn nhìn quanh gian phòng rộng lớn. Hai ngọn đèn vàng thông dây trước mặt đóng đưa mạnh, chao ánh sáng từ nơi này sang nơi kia. Hắn đưa mắt nhìn một cánh cửa im lìm đang lẩn vào bóng tối đằng trước mặt xế trái. Cánh cửa này mở vào một căn buồng nhỏ hơn mà trong

đó đáng lẽ ra giờ này vợ hắn đang mê sảng cười cười nói nói với bóng đêm. Vợ hắn đau bệnh thần kinh, tuy không nguy kịch nhưng nan y, bệnh phát và tái phát bất định kỳ và cách quãng ngắn. Nàng mang bệnh ba năm nay và bệnh phát sinh từ một nạn máy bay hi hữu, trong một chuyến máy bay hạ cánh bó buộc. Bánh xe chạm mạnh xuống xi măng, không hiểu làm thế nào đầu nàng bổ vào cánh máy bay rồi cả người ngã sấp xuống bụng phi cơ. Chuyến đặc biệt, ngoại trừ nàng, tất cả đều là quân nhân không việc gì. Từ đó nàng chóng mặt thường xuyên, vài tháng, bệnh biến chứng. Hắn yêu vợ lắm, nhưng tình yêu như ban bổ vào hư vô, và người đàn bà của hắn lắm lúc chẳng khác gì vật vô tri. Tình yêu dần dà cùn mòn, mỗi mết, không được bồi dưỡng bằng một sự giao thoa cần thiết. Tình yêu co rút lại : hắn chỉ còn thấy thương thân. Vợ

hắn vào bệnh viện, thỉnh thoảng về, rồi quay trở vào ngay. Sự xuất hiện một hai khi của người đàn bà gầy xanh mắt đại miệng cười hờ nên không cần thiết cho ngôi nhà hắn ở. Hắn cảm thấy thế. Vợ hắn không về nữa nên căn buồng đóng kín bưng. Hắn đích thân đến bệnh viện mỗi tháng một lần. Những qua lần thứ hai, hết muốn đến, hay nếu có đến thì đứng ở ngoài, liếc nhìn vào ô cửa gỗ rồi đi. Thế mà một hôm trời khuya, vợ hắn thoát ra bệnh viện, lùng lững đi vào nhà. Tay bấu vào mặt tủ, hắn nhìn vợ, cổ họng khô nghẹn. Mắt vẫn đại, nụ cười vu vơ như bao giờ, nhưng lần này người đàn bà, mỏng như tàu lá, nói lắp bắp không rõ. Toàn thân hắn lạnh toát, hắn đứng im, chân cơ không muốn vững. Rồi vợ hắn bỏ đi.

Đi. Đi đâu ? Về trở lại sống dở chết

dở sau lớp cửa gỗ, giữa bốn bức tường đá? Hay trốn lốc biệt tằm, hay lao xuống hào sâu bên đường? Đó là những câu hỏi, ý nghĩ, hẩn gợi ra trên đường đến dưỡng trí viện một thời gian sau đó. Hẩn quyết định đi thăm dò cho biết đích xác người đàn bà đã sống chết thế nào. Hẩn hồi hộp tưởng tượng lát nữa được tin tức về người bệnh. Bác sĩ sẽ bảo :

– Bà vừa mới chết hôm qua, chúng tôi đang lo liên lạc với ông để báo tin.

hoặc :

– Kìa, bà về nhà từ hôm đó đến nay đã trở lại đâu ? Thế không phải ông giữ bà lại nhà sao ?...

Như thế mọi sự sẽ giản tiện cho hẩn hơn. Hẩn sẽ tìm lại được đời sống vô tư lự như trước, trút bỏ gánh nặng, tẩy trừ

ám ảnh. Ngày tháng của hấn sẽ làm bằng những chuyển đi về tuy không hào hứng nhưng bớt nặng nề, tiền bạc có vút ra sẽ không hoàn toàn là tiền bạc vút đi mà sẽ đem lại thú vị hay đổi thay, dù nhiều dù ít. Hấn sẽ sống thỏa thuê một thời gian bù trừ lại gian vô vị đã qua.

Vợ hấn bỏ đi thật. Vị bác sĩ lắc đầu đưa cho hấn một xấp giấy : đó là những dòng chữ viết không ngày tháng của vợ hấn gửi cho hấn.

“Sao trời ngoài kia có nhiều hôm thật đẹp, hay trời chỉ đẹp khi không có em, hay vì em quá ao ước những bước chân ra ngoài, hay đó là một cách khác nữa để trời hành hạ em, hay em còn phải sống... Thật ra, em đã khỏi bệnh mà em không hay... Đáng lý em phải sung sướng cực kỳ, phải reo to cho vang cả gian phòng tù hãm, phải tức tốc chạy về bám vào cổ anh

thì mới hả. Nhưng rồi nỗi sung sướng của em cũng chẳng hơn một sự ngạc nhiên khi bắt gặp mình dời đổi từ một tình trạng quen hơi sang một tình trạng khác. Một sự bình thường hóa đời sống của em, kể từ đây ? Em tự hỏi, ngâm nga dò xét lòng mình, và tự nhiên nhận thấy rằng không phải thế. Con bệnh và thời gian thọ bệnh đã giày xéo chút tin tưởng và yêu đời sót lại trong em. Có gì mà tin tưởng mới, mà yêu đời trở lại? Em chẳng dám vui mừng. Bình phục, đối với em, vẫn là một chặng của dòng luân lưu ảm đạm của đời em thôi. Đã vậy, còn mời mọc anh ghé chân vào vùng âm u của em làm sao được. Đã một thời gian anh lỡ buộc chân vào đó rồi. Quá đủ cho anh. Trả lại anh cho anh, nhé? Mỗi người một phận.

Anh yêu em hay anh không yêu em?
Em có cần thiết cho anh? Anh cần thiết

cho em ? Khéo vẫn vợ, sao em lại có thể dám tưởng rằng em cần thiết cho anh ? Ngay cả từ lúc em chưa ngộ nạn, và xa hơn nữa, kể từ khi chúng mình lấy nhau, có một lời nào, có một cử chỉ nào của anh xúi dại em vọng tưởng đâu? Thế sao em vẫn mù mịt u mê lâu thế ? Vì yêu anh ? Thú thật, nếu yêu anh thì em đã sung sướng vì được đau khổ rồi còn chi. Thế nào anh chẳng bảo em nói mê. Anh có biết đâu, trong những bệnh hành, em mong có một cái gì để nghĩ đến. Hạnh phúc vì yêu, đau khổ vì yêu, có khác gì nhau ? Em biết có những người đàn bà đau khổ trong tình yêu, đau khổ đến tuyệt vọng, bỏ bê cuộc đời chung quanh. Thấy họ, em tự nhủ : Thà chết quách, có hơn không ? Nhưng họ không chết, không phải họ sợ chết, họ không nghĩ đến cái chết đấy mà thôi, cũng như họ không nghĩ đến gì ngoài cái khổ đau. Em, em muốn một phút đau khổ để

được sống mỗi mòn.

Em đang đi tìm đau khổ đây. Em đi, đi xa. Anh hãy coi em như đã chết. Còn em, em chưa cho mình chết. Em còn phải sống, mặc dù, em biết, sống chẳng ra sống.

Hắn cảm thấy mắt hoa và đầu lão đảo. Một nỗi bất an nào đang ngập lụt không gian, một thực tại nào bỗng chốc bị lật ngược.

Anh còn nhớ chẳng, cái đêm em trốn bệnh viện trở về thăm anh đó ? Nghĩ đến anh, đến chỗ ở của chúng mình, em hồi hộp sung sướng đến sa nước mắt. Em nhìn từng cánh cỏ, em thấy từng cánh hoa dại nhỏ xíu trong hốc tối. Đường sá vắng tanh, lù mù ánh trăng non. Em ngỡ ngỡ bước lạc lõng giữa mênh mêng. Chung quanh em, chưa có một vật gì thật sự là của em nhưng em định ninh em sẽ có tất

cả. Em bước sải dài như lính, vung tay loạn xạ. Mãi sau em mới biết mình đập tay lên một dây rào thép gai, và cả một bàn tay em rướm máu. Em không mê, em chỉ chệnh choáng theo cảm xúc rộn ràng. Nhưng em ý thức được nhiều điều. Em biết trời lạnh, em biết trời đã khuya, em biết nhiều nơi em đi qua lần này không phải là lần đầu. Nhưng cái im lặng của tất cả không tiết lộ điều gì để cho em bắt nhịp với quá khứ xa khơi mà chỉ khiến em e ngại đủ điều.

Quả linh tính của em không lầm, gặp lại anh giữa đêm, nom thấy ly rượu anh cầm không vững trên tay và tia mắt khác lạ của anh, em biết mình hết lý do để mừng vui. Bao nhiêu lễ chúc nói xô lẫn nhau rồi chỉ ngừng lại trên môi. Em làm anh sợ hãi. Kỳ thật chính anh đã làm em sợ hãi. Vì em nhác thấy một tia mắt

ghê gớm của anh, tia mắt bỗng đầy căm hờn, oán hận. Em biết anh không thể tha thứ cho em đã treo hăng cả đời anh.

Em đi, đi xa. Anh hãy coi em như đã chết. Còn em, em chưa cho mình chết. Em còn phải sống, mặc dù, em sống chẳng ra sống.

Một điệp khúc hãi hùng vẫn vụ trong đầu hấn. Hấn nhìn sững vào khoảng không. Hình ảnh vợ hấn múa lượn trước mắt, khi cười cợt, khi nhăn nhó, khi lùi xa, khi tiến lại gần, không tan biến.

“Khi trở về lại bệnh viện, hãy còn sớm, tiện đường em ghé vào nghĩa trang. Nghĩa trang rộng, có cả một lối đi dài có hai hàng cây uy nghi dàn chào hai bên. Em cất tiếng hát. Bỗng có tiếng sột soạt ở gần. Nhìn lại là một cặp tình nhân trẻ tuổi đang ngồi

dưới gốc cây. Em khoát tay : “Cứ tự nhiên !” Không ngờ cả hai riu riu đứng lên rồi ù té chạy. Mà cũng phải, chẳng ma thì là con điên, chứ đàn bà nào lại một mình thất thêu ở nghĩa trang này ? Một mình, em tung hoành khắp nghĩa trang. Những cười hiu hắt, những cái nhìn hư không từ những tấm hình mộ bia làm lạnh cả trời. Có một khuôn mặt thiếu phụ trông muờng tượng giống em. Em bật phì cười. Giá mình yên nghĩ nơi đây cũng cũng hách chán. Ngôi mộ này được xây bằng đá trắng, những dòng chữ trên mộ chỉ khắc vào đá và được tô màu như vẽ. Chung quanh là một thành đã xây thấp và hai cổng sắt nhỏ đóng lại ở dằng trước. Như một tác phẩm điêu khắc. Như một biệt thự, một riêng, dù nhỏ. Ngôi trên thành đá, em như một kẻ ở trọ, người khách đến nhà mà chủ nhân đi vắng. Khổ, em đi đâu. Cũng lẻ loi.

Em trở về đây ngồi viết gửi anh mấy dòng này. Khi anh đọc thư này thì em đã đi xa, đi biệt. Nhưng anh đừng mừng vội. Em làm sao quên nổi ánh mắt thù hận của anh đã ném cho em. Em sẽ sống rất xa mà rất gần anh, em sẽ tùy lúc biến mất hay xuất hiện trước mắt anh. Em bây giờ là người của nghĩa trang, không hẳn là người mà chẳng khác nào ma. Sống chẳng được với ta, chết cũng chẳng được với ta ! Y hệt như ta vậy ! Chúng mình là vợ chồng mà lại ! Có như thế, xin lỗi anh nhé, đời em mới được chút ý nghĩa, đừng trách em, tội nghiệp. Gian phòng của em, chắc anh cũng để dành cho em đó chứ ? Cám ơn anh, em sẽ trở về đó, thế nào em cũng trở về thăm anh. Phòng anh bệnh, có em săn sóc cho.

Đừng tìm em mất công. Em sẽ chui dụt đủ nơi vì kể từ giờ phút này em là kẻ

không nhà. Em sẽ sống với đủ thủ đàn ông, đủ loại gái giang hồ. Sống vội, sống rút mà ! Coi thử có ai « sống » bằng em nổi không ? Em sẽ gửi kẹo Mỹ, mì Đại Hàn về cho anh. Gửi tiền về cho nữa. Nếu có con, em cũng chụp hình gửi về luôn. Vì ngoài anh ra, còn biết gửi cho ai ?

Vợ hăn giữ lời. Và hăn ở vào cái thế không thể không nhận những món hàng của vợ hăn gửi : đủ hạng người, khi thì người phu xích lô, khi thì một đứa con gái son phấn, khi thì đứa con nít, thay phiên nhau đến tận nhà hăn trao cho hăn một lon bánh, hai bao mì Đại Hàn, mấy cái quần xà lỏn. Cuối cùng, hăn lặng lẽ đổi chỗ ở. Sống yên được một tháng, đến một buổi chiều, đi làm về, hăn đã thấy một gói to tướng dị hình để ngang trước cửa. Vài người hàng xóm thập thò trông theo từng cử chỉ của hăn trong phút đó.

Hắn rất tự nhiên, cúi xuống ôm cả cái gói vào lòng rồi mở cửa vào nhà. Cũng thế : Vài cái quần, áo sơ mi, vài đôi bí tất, đủ màu. Kèm theo một tấm giấy nhỏ : « Vừa biết chỗ ở mới của anh, vội gửi mấy thứ cần dùng cho anh ». Ký tên. Mỗi lần như vậy, hắn đem mấy lá thư của vợ hắn viết ra đọc lại. Trông hắn bây giờ điềm tĩnh một cách lạ lùng. Hắn đứng lên đi tìm chai rượu rồi nằm xuống, đọc thư lại, đọc kỹ hơn, đọc không biết đến lần mấy mươi, mãi cho đến nửa đêm. Kể từ đêm đó, hắn đâm ra biến tính rõ rệt : khi thì cáu kỉnh, khi thì thần thờ. Công việc bị ảnh hưởng trầm trọng. Hắn gắng gượng hết cả sức mình, cố ngăn nắp, chăm chỉ, đúng giờ... nhưng chỉ được một hôm là hụt hơi ngay. Tuy nhiên, chưa có chuyện gì đáng tiếc xảy trong công việc của hắn, có lẽ ông chủ hãng và các bạn đồng sự hiểu được ít nhiều hoàn cảnh của hắn.

Cho đến một hôm hấn cảm thấy trời đất hoàn toàn sụp đổ trước mắt khi nhận được một tấm giấy chỉ có mấy chữ : « Em báo tin mừng cho anh : em có thai. »

Suốt nửa năm trường, không ai gặp hấn ở đâu. Người bảo hấn đòi chỗ ở lần nữa, người thì đoán hấn đi tìm vợ, và không khỏi có người nghĩ rằng hấn có thể buồn tình đi kết liễu đời mình ở một nơi khuất tịch nào đó, biết đâu ?

Nhưng, sau một thời gian dài vắng mặt, hấn âm thầm trở về ngôi nhà cũ đầu tiên của hấn. Người ta chưa thấy hấn làm gì, suốt ngày không thấy hấn lộ mặt ra ngoài, nhưng người ta biết chắc chắn hấn có mặt ở trong đó, còn như hấn ngủ suốt ngày, bệnh liệt giường hay uống rượu miên man thì người ta không rõ. Người ta còn có thể ngạc nhiên không hiểu tại sao lần này hấn không đòi chỗ ở

mà lại trở về ngôi nhà cũ, ngôi nhà nhiều kỷ niệm buồn bã cho hần. Tối một ngày đó, cửa nhà hần bỗng mở rộng, ai nấy chờ chực xem hần sẽ làm gì, mặt mày hần tiêu hao ra sao. Một lát sau, hần xuất hiện, hần cúi gằm, hai cổ tay đã bị còng và theo sau là hai người mặc đồng phục.

BỬU Ý

(1965)

Văn số 168

tuyển tập

“ Tiếng hát lên trời ”

Lý Minh

Thơ lục bát

Một khi...

*Bây giờ buồn mỗi riêng em
Núi sông chia biệt trắng mềm bến thu
Thác nghiêng hồn xuống vực mù
Sâu gieo tiếng hạc đêm vừa mái thiên.
mộng điệp
ta say nguồn sống diệu huyền
đất trời bỗng thoát mùi hương qua hồn*

*không gian – nhụy phấn – gió thơm
chiều buông xuống góc thủy dương xanh
buồn.*

động sâu

*một tôi một cõi hoang tàn
mây bay đỉnh tóc suối bàng hoàng trôi
với cồn cát với bồi hồi
bao la hàn tạt vai người lãng du.*

trăng nước

*biển xanh – đồi núi – chân trời
cỏ cây biên giới dáng người cầu thu
tóc thương gió cát mịt mù
cổ xưa ai với sông hồ lan man.*

tóc huyền

*rừng xa, dấu thú, thừa về
sương lưng chùng cũng đầm địa xuống
thu*

*tóc nàng ẻo lả sợi tơ
bướm bay trắng cả hai bờ không gian.*

Lý Minh

Nguyễn Đình Toàn

Tro than

(tiếp theo)

Hai đứa trẻ mở cửa nhảy vào trong nhà. Nếu không thể hỏi ai để biết mọi chuyện trong nhà có lẽ tôi có thể hỏi chúng.

Nghĩ vậy, tôi đi xuống nhà.

Xuống tới lưng chừng cầu thang tôi đã phải la lên:

– Buổi trưa không đứa nào ngủ hả?

Hai đứa trẻ giật mình. Chùng như tới lúc đó chúng mới nhớ ra tôi đã trở lại nhà. Thằng Cảnh nói:

– Tụi em không ngủ trưa.

Tôi nói:

– Nặng vậy mà hai đứa lôi nhau đi đâu thế?

Chúng nhìn nhau và nhìn tôi, không đứa nào nói gì.

Tôi lại gần bên chúng, ngồi xuống ghế. Trông mặt mũi hai đứa, tôi biết, chúng chưa nhận ra được vị thế của tôi trong nhà. Chắc trong mấy năm rồi chúng đã được thả lỏng chẳng ai kìm giữ, và chúng đang thử xem có thể trả lời tôi thế nào. Cả hai đứa đầu tóc bù xù, mồ hôi mồ kê ướt tóc.

Tôi bảo thằng Thứ:

– Vào trong nhà lấy khăn lau mặt đi, lấm bê lấm bết toàn đất cát.

Thằng nhỏ lạng lạng đi vào phòng tắm.

Còn lại thằng lớn, nó ngược mắt nhìn tôi chờ đợi, mặt mũi cũng lem luốc không kém gì thằng kia.

Tôi nói:

– Trưa em không ngủ, không học bài, đi bêu nắng, ốm thì làm sao.

Nó không nói gì và vẫn đứng nguyên tại chỗ.

– Mà lớn không chịu trông em lại đầu tiêu cho nó đi chơi, đứa nào nó chịu ở nhà, tôi tiếp. Thằng Cảnh vẫn không nói gì.

– Vào rửa mặt đi, rồi ra đây chị hỏi cái này.

Nó lảng lạng làm theo lời tôi.

Thằng Thứ đã lau mặt xong, đứng lắp ló chỗ cửa buồng tắm, nửa muốn đi ra, nửa sợ. Tôi gọi nó lại, bảo:

– Mang cặp của em lại đây chị xem. Cả cặp của anh Cảnh nữa.

Thằng nhỏ lú lú làm theo lời. Trong cặp của chúng có cả thông tin ba. Chẳng đứa nào được xếp hạng cao trong lớp, đứa khá môn này kém môn khác.

Thằng Cảnh từ dưới nhà lên, đứng cạnh em, lúc tôi giở sách ra coi. Tôi nói:

– Chỉ tại hai đứa cùng lười. Sách vở quần tít như ống sáo thế này.

Hai đứa này chắc phải cần một thời

gian uốn nắn mới đầu vào đấy được. Nhưng trước hết, tôi phải làm quen lại với chúng đã.

Tôi hỏi:

– Quên lúc sáng chị không hỏi, hai đứa đi học bằng cách nào?

Thằng Thứ đáp:

– Đi bộ.

Thằng Cảnh nói:

– Trường ở gần đây.

– Thường thường hai đứa học bài vào lúc nào?

– Buổi tối.

– Ba có trông cho các em học không?

– Có. Thỉnh thoảng thôi.

– Chừng không hiểu bài thì hỏi ai?

– Không hỏi.

– Bộ em bỏ luôn à?

– Bỏ.

– Sang năm một đứa lên trung học, một đứa lên lớp nhất rồi, phải học cho cẩn thận chứ.

Hai đứa lại lặng thinh không nói gì. Tôi cất lại sách vào trong cặp cho chúng.

Tôi hỏi:

– Má làm gì cả ngày?

Thằng Cảnh nhìn tôi dò xét. Một lát nó nói:

– Má đi.

– Đi đâu?

– Không biết.

– Ngày nào má cũng đi à?

– Ngày nào cũng đi.

– Chùng nào má về?

– Tối.

– Ngày nào má cũng đi từ sáng đến tối mới về à?

– Ừ.

– Trời đất! “Vâng” chứ “ừ” sao Cảnh?

Thằng Cảnh lại lặng thinh. Thằng nhỏ leo lên ngồi trên chiếc ghế nghênh cổ nghe chuyện, hết nhìn tôi lại nhìn thằng Cảnh.

Tôi nhìn hai đứa nhỏ và tự nhiên thấy nhói trong lòng. Dì tôi làm cái quái gì mà ngày nào cũng đi như vậy? Liệu

hai đứa nhỏ nói thật chẳng? Tôi có cảm tưởng một đám mây u ám vừa trôi qua trong đầu óc. Tôi cố mừng tượng lại về mặt dì tôi chiều hôm qua. Quả thật bà chẳng còn mấy may dấu vết hình dạng trước ngày tôi đi. Bà thay đổi đến có thể coi như đã trở thành một người khác. Từ mái tóc kiểu con trai hớt tén đến quần áo, son phấn, nước hoa, hết thấy đều khác lạ. Cơn bão nào đã thổi qua gia đình tôi đây? Trận dịch nào đã rớt vào cái chốn khốn cùng này? Tôi bỗng nghe cùng một lúc lao xao trong đầu muôn ngàn tiếng động không phân biệt được, trên hai mi mắt run rẩy những mảnh lam nham không hình thù, tim đập như trống trong ngực.

Tôi hỏi hai đứa nhỏ:

– Má làm gì mà làm cả ngày vậy?

– Em không biết.

– Má không cho các em đi theo bao giờ sao?

– Có.

– Em thấy gì?

– Không thấy. Má bảo đứng đằng xa chờ.

– Chờ? Thế má đi đâu?

– Má vô trong nhà một lát ra, dẫn đi chơi.

– Nhà nào?

– Không biết. Nhà có cửa bằng sắt có gắn những đồng tiền tròn.

Tôi nhìn thằng bé, cố gắng hiểu xem nó định nói gì. Có lẽ nó muốn nói đến một quán ăn, một tiệm rượu, một cái

snack-bar chẳng? Tôi chịu, không thể đoán được.

Tôi hỏi:

- Má vào đấy lâu không?
- Chút xíu thôi.
- Lúc má ra em có thấy gì không?
- Em nghe thấy tiếng nhạc.
- Chỉ có thế thôi à?
- Vâng.
- Rồi má mang các em đi đâu?
- Đi chơi.
- Đi chơi ở đâu?
- Ăn kem. Đi xem xi-nê.

– Má có hay cho tụi em đến chỗ đó không?

– Không.

Ngân ấy câu trả lời của lũ nhỏ có đủ để tôi ghép lại và hiểu dì tôi làm cái nghề gì không? Chắc chúng cũng không biết gì hơn nữa. Tuy nhiên tôi vẫn muốn hỏi thêm chúng.

Tôi nói:

– Thế các em đi chơi về ba nói sao?

– Ba không nói gì.

Chắc vậy. Chắc ba tôi không nói gì. Tôi áng chừng nếu dì tôi muốn giấu hai đứa trẻ chỗ làm của bà hủn nó phải có cái gì cần giấu. Ba tôi biết hay không biết chuyện ấy? Hay ông biết mà không nói với tôi?

Không nói? Lý do vì sao mới được chứ?

Tôi có cảm tưởng một bức tường lạnh cứng đã phủ xuống quanh đây, bưng kín mọi thứ, khiến cho việc tôi muốn nhập lại vào quá khứ của mình và thoát ra khỏi đều khó như nhau.

Tôi phải làm gì bây giờ?

Tôi bảo hai đứa trẻ:

– Hai đứa muốn đi chơi nữa thì cứ đi. Nhưng ăn cơm chiều xong thì phải học bài, nghe không.

Hai đứa trẻ chạy tót ra đường liền.

Tôi nhìn theo chúng và qua cánh cửa vừa được mở ra thấy nắng bên ngoài đã xế. Ba tôi vẫn chưa về. Dì tôi cũng chẳng thấy đâu.

Nếu tôi không có nhà, những lúc như thế này, có khác gì căn nhà hoang? Hai đứa trẻ chẳng thể không lêu lổng. Tôi có thể sửa chữa được gì trong tất cả những việc này?

Tôi nhớ lại dáng ba tôi lúc ông đi xuống cầu thang. Ngoài những lúc nằm dài bên khay đèn, có lẽ ông chẳng biết làm gì hơn là đội mũ đi ra đường trong chốc lát như thế, để vui chơi, để khuây khỏa.

Vui chơi? Ông còn có thể vui chơi được chăng? Tôi không biết rõ chuyện gì đã xảy ra ở đây, nhưng tôi cảm nhận nó như một cơn bệnh đã thấm nhập vào cơ thể.

Tôi phải làm sao đây?

Câu hỏi đó gieo trong hai tai tôi như những tiếng chuông rời rã, ngân nga,

kéo lê một cường độ, một âm cấp, làm tôi muốn lao đảo.

Dù sao, tôi cũng phải làm gì chứ? Hoặc là tôi sẽ phải bỏ đi, hoặc tôi sẽ ở lại, cả hai trường hợp tôi đều phải chuẩn bị tinh thần để quyết định.

Nghĩ cho cùng, tôi chẳng làm gì khác được, không có quyền lựa chọn, không có quyền bỏ đi. Tôi phải ở lại. Sự bỏ đi của tôi chẳng có ý nghĩa gì khi ba tôi còn nằm lại đó. Nhưng tại sao tôi đã trở về đến đây lại chỉ nghĩ đến chuyện đi như thế? Có phải tôi giống như con sâu, đã nghe ra sự ảm thấp, dấu hiệu của một cơn mưa lạnh lẽo quanh đây? Có thể tôi đã đoán, đã có những dự cảm chẳng hay, chỉ vì thói quen?

(còn tiếp)

Đã phát hành

HƯ VÔ CA

Thơ NAM CHỮ

Đã phát hành

TIẾNG ĐỘNG

Truyện dài của

THANH TÂM TUYỀN

HIỆN ĐẠI xuất bản

Một cơn sóng tình

đam mê quyến rũ

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC

Cô Đặng Kim Chi, Huế, hỏi :

1) Cách đây đã lâu, tôi có tình cờ được đọc đâu đó một Văn trích văn Lỗ Tấn phẩm luận về râu. Mong được ông cho biết, nếu tiện, toàn bản văn đó.

2) Cũng xin ông cho biết những tác phẩm của Lỗ Tấn đã , được dịch sang Việt-ngữ và hiện có bán?

(thư ngày 14 tháng 7 năm 1970)

trả lời :

1) Cô không chép đoạn văn trích dẫn nên chúng tôi không biết chắc chắn

đó là bài phiếm luận nào của Lỗ Tấn. Tim trong “Tuyển tập Tập văn Lỗ Tấn” do Phan Khôi dịch (Văn Nghệ xuất bản. Hà-nội, 1956) gặp được bài “Nói về hàm râu”, xin chép lại dưới đây :

NÓI VỀ HÀM RÂU

Mùa hè năm nay đi chơi Trường-an một chuyến, sau hơn tháng, ngầy ngô ngốc ngác mà trở về. Những người bạn biết Chuyện bèn hỏi tôi:

– Anh thấy trên đó như thế nào ?

Thế tôi mới giật mình nghĩ lại Trường-an, nhớ đã thấy cây bạch dương rất nhiều, cây lựu rất lớn, dọc đường đã uống nước sông Hoàng-hà không ít. Nhưng mà những cái đó có gì đáng nói ư ? Tôi bèn trả lời :

– Chẳng có thể nào gì cả.

Vậy rồi người bạn tiu nghỉu mà đi, tôi vẫn cứ tiu nghỉu mà ở, tự thấy thẹn vì mình không lấy gì đáp lại những người bạn “chẳng hổ hởi kẻ dưới¹⁴”.

Hôm nay sau khi uống trà, thì xem sách, trên sách rây một giọt nước, tôi biết râu hàm trên của mình đã lại dài ra rồi. Giá như mở Khang-hi tự điển ra, các thứ râu của môi trên, môi dưới, bên mép, dưới cằm, đại khái mỗi thứ đều có tên riêng đấy, nhưng tôi không rồi đâu mà có hứng thú làm như thế. Tóm lại là râu ấy đã lại dài ra rồi, tôi lại phải chiếu lệ cắt ngắn nó đi, trước là cho khỏi nhúng canh quện nước. Thế rồi tìm cái gương, cái kéo, bắt tay cắt nó, cốt làm cho nó

14 [Đây là một câu sán có trong sách Luận Ngữ, nguyên văn là : “Bất sỉ hạ vấn”.

bằng với mé trên, thành một chữ “nhất” viết lồi lẹ¹⁵.

Tôi, một mặt cắt, một mặt bõng lại nhớ đến Trường-an, nhớ đến thời đại thanh niên của tôi, nẩy ra bao nhiêu điều cảm khái dây dưa chẳng dứt. Việc Trường-an, nhớ không rành mạch lắm, chừng là khi vào chơi Khổng miếu, trong có một gian phòng, treo nhiều bức họa in, có tượng Lý Nhị khúc¹⁶, có tượng đế vương các đời, trong có một bức là Tống Thái tổ hay tông nào đó, tôi cũng không nhớ rành mạch nữa, tóm lại là mặc một áo bào dài mà râu vểnh lên. Thế rồi một vị danh sĩ quả quyết nói rằng :

15 Chữ “nhất” viết lồi lẹ cũng giống như chữ “nhất” viết lồi chân, chỉ khác là cái lưng hơi ển lên.

16 Lý Nhị khúc tức Lý Ngung, một đại nho đầu đời Mãn Thanh, được gọi là Nhị khúc tiên sinh.

– Cái này đều là người Nhật bản giả tạo ra, anh xem râu này là kiểu râu Nhật-bồn đây.

Thật vậy, râu của Nhật-bản đúng là vênh lên như thế, họ cũng chưa chắc không giả tạo họa tượng của Tống Thái tổ hay tông nào đó, có đều giả tạo tượng hoàng đế Trung-quốc mà lại phải soi gương, lấy râu của mình làm mẫu, thì thủ đoạn và tư tưởng cũng lạ lùng lắm, thật không ai ngờ đến. Trong đời Kiến-long của nhà Thanh, Hoàng Dị đào được những họa tượng khắc đá thờ Hán Vũ lương [Nhà thờ Vũ lương thuộc về đời Hán ở tỉnh Sơn-đông; đây nói “đào được” vì nó đã bị lấp dưới đất.], râu của đàn ông phần nhiều vênh lên ; lại những tượng tín sĩ trong các pho tượng Phật giáo từ Bắc Ngụy đến Đường mà chúng ta thấy, hễ là người có râu phần nhiều đều vênh lên, chỉ đến họa tượng

đời Nguyên đời Minh, thì râu, đại khái chịu tác dụng của sức hút lòng trái ất mà rủ xuống cả. Người Nhật-bổn sao mà không sợ mất công, cặm cụi tạo ra bao nhiêu đồ xưa giả từ Hán đến Đường, đem đi chôn ở nơi núi sâu hang thẳm cồn trụi đất hoang khắp Tề, Lỗ, Yên, Tấn, Tần, Lũng, Thục của Trung-quốc làm gì ư ?

Tôi cho rằng râu rủ xuống là kiểu Mông-cổ, kiểu người Mông-cổ đem vào, nhưng mà bọn danh sĩ thông minh của chúng ta lại coi nó là quốc túy. Những học sinh lưu học ở Nhật-bản vì Nhật-bổn, bèn ngậm ngùi nhớ đến Đại Nguyên, nói rằng :

Lúc đó nếu không có trời phù hộ thì cái đảo quốc đã bị chúng ta diệt quách rồi¹⁷ !

17 Đời Nguyên (Mông-cổ) Thế tổ (Hốt-tất-liệt) có cử đại binh

Thế thì nhận thứ râu rử xuống làm quốc tủy cũng chẳng có gì là không được. Nhưng mà đã thế thì sao còn là con cháu của Hoàng đế ? Sao còn nói người Đài loan ở Phúc-kiến đánh người Trung quốc là căn tánh nô lệ nhĩ ?

Lúc đó tôi muốn tranh biện, nhưng rồi tôi liền nghĩ lại, không tranh biện. Người yêu nước lưu học ở Đức là ông X. – không nhớ tên, hăng thay bằng X. – chẳng đã nói tôi chê bai Trung-quốc là vì tôi đã lấy vợ Nhật-bổn¹⁸ cho nên vì họ nói xấu bổn quốc đó ư ? Tôi trước kia chẳng qua chỉ ra một vài khuyết điểm của Trung quốc, còn phải làm lụy đến “nhà

đi đánh Nhật-bổn giữa biển gặp bão, thuyền đắm, tướng sĩ chết hết, chỉ trở về được có mấy chục người. Câu nói đó có ý chỉ vào việc ấy. Nhưng đó là việc của người Mông-cổ, sao lại nói “chúng ta” ? Sở dĩ dẫn câu này, ý Lỗ Tấn bám vào chữ “chúng ta”.

18 Em ruột của Lỗ Tấn là Chu Tác Nhân lấy vợ Nhật-bổn, có người tưởng lầm là Lỗ Tấn.

tôi” đổi quốc tịch đi thay, huống chi bây giờ là vấn đề có dính dấp đến Nhật-bổn? Thôi thì dù cho hàm râu của Tống Thái tổ hoặc tông nào đó có bị oan chằng nữa, cũng chẳng đến nỗi có hồng thủy, có động đất, có gì tai hại lớn. Khi ấy tôi bèn gật đầu lia lịa nói :

– Ờ, ờ, đúng đấy.

Bởi vì thực ra tôi so với trước kia hình như đã tròn lăm rồi, — tốt rồi.

Tôi cắt cái đầu nhọn râu bên trái của mình xong rồi, nghĩ, người Thiểm-tây đã mệt lòng nhọc sức, tốn cơm phí tiền, dùng xe hỏa đưa đi, dùng thuyền chở, dùng xe ngựa kéo, dùng xe hơi đón, mời đến Trường-an giảng diễn, chắc họ không ngờ đâu tôi là một kẻ tuy đối với cái việc nhỏ xiu quyết không đến có cái họa giết mình mà cũng không chịu thẳng

thần tỏ bày ý kiến, chỉ “ờ, ờ, đúng đấy” mà thôi. Họ gọn gọn là bị lừa.

Tôi lại soi mặt mình trong gương, nhằm chỗ khoé miệng bên phải, cắt cái đầu nhọn râu bên phải, thả rơi xuống đất, nhớ đến thời đại thanh niên của tôi...

Đó đã là chuyện cũ, ước chừng có đến mười sáu, mười bảy năm nay rồi.

Bấy giờ tôi từ Nhật-bốn trở về nước, trên mép để thú râu vểnh lên giống như của Tống Thái-tổ hay tông nào đó, ngồi trong chiếc thuyền con, nói chuyện gẫu với anh lái thuyền.

– Thưa ông, ông nói tiếng Trung-quốc sõi lắm.

Sau lại, anh lái thuyền nói với tôi như thế.

– Tôi là người Trung-quốc, vả lại là đồng hương với anh, nào lại...

– Ha ha, ông, cái ông này còn biết pha trò nữa kia.

Nhớ lại tôi hồi đó không biết nghĩ thế nào, thật còn mười phần lúng túng hơn khi thấy bài thông tin của ông X. Tôi hồi đó không có mang gia phả theo, thật không thể nào chứng minh mình là người Trung quốc được. Dù cho có mang theo gia phả, mà trong đó chỉ có họ tên, không có ảnh tượng, cũng không thể chứng minh kẻ có họ tên ấy chính là tôi. Lại dù cho có ảnh tượng, người Nhật-bổn đã giả tạo được những tấm đá khắc từ Hán đến Đường, những tượng vẽ Tống Thái tổ hay tông nào đó, có lẽ nào lại không giả tạo được một bộ gia phả bằng bản gỗ ?

Tất cả sự đối phó với kẻ lấy câu chuyện thật làm câu chuyện pha trò, với kẻ lấy câu chuyện pha trò làm câu chuyện thật, với kẻ lấy câu chuyện pha trò làm câu chuyện pha trò chỉ có một cách là : không nói chi hết.

Thế rồi, từ đó tôi không nói chi hết.

Nhưng mà, giá như ở bây giờ thì ước chừng tôi còn nói:

– Hôm nay trời lắm đấy nhỉ ?...
Cái làng bên kia gọi là làng gì nhỉ ?...

Bởi vì thực ra tôi so với trước kia hình như đã tròn lắm rồi, – tốt rồi.

Bây giờ tôi nghĩ, sự người lái thuyền đổi quốc tịch tôi, đại khái không giống với cao kiến của ông X. Nguyên nhân nó chỉ ở nơi hàm râu thôi, bởi vì từ đó tôi thường thường chịu khổ vì hàm râu.

Quốc độ có thể mất, nhà quốc túy không có thể ít đi được, mà hễ nhà quốc túy không ít thì cái quốc độ ấy không coi là mất. Nhà quốc túy là người bảo tồn quốc túy; mà quốc túy là hàm râu của tôi. Đó tuy không biết là theo phép “lô-gic” nào, nhưng cái thực tình bấy giờ là đúng như thế.

– Sao anh lại bắt chước đánh bộ của người Nhật-bốn, khổ người đã thấp bé, râu lại thế kia...

Một nhà quốc túy gồm ái quốc sau khi phát ra một tràng nghị luận đêngh thép rồi, bèn đi đến cái kết luận ấy.

Đảng tiếc lúc bấy giờ tôi còn là một thiếu niên chưa trải sự đời, cho nên hằm hằm cãi lại. Một là, khổ người tôi vốn chỉ cao cỡ bằng ấy, chứ không phải tôi cố ý kiếm cách ép bằng máy móc nào

của ngoại quốc cho lùn bé lại, toan mạo làm người họ. Hai là, râu của tôi thật có giống người Nhật-bồn, nhưng mà, tuy tôi chưa từng nghiên cứu lịch sử kiểu râu của họ thay đổi như thế nào, chứ đã có mấy bức tượng vẽ người đời xưa của họ, râu đều không vểnh lên, chỉ chia ra hay rủ xuống, không khác với quốc túy của ta bao nhiêu đâu. Chỉ sau khi Duy tân, râu mới vểnh lên, đại khái là họ bắt chước râu nước Đức. Hãy xem hàm râu hoàng đế Uy-liêm, chẳng phải chỉ thẳng lên khoe mắt, đứng song song với sống mũi là gì?

Mặc dù về sau vì hút thuốc cháy đi một bên, rồi phải xén bằng bai bên cả, chứ thuở Minh-trị Duy-tân ở Nhật-bồn, cái mép bên kia của ông còn chưa bị hỏa tai.

Cuộc biện giải đó mất chừng hai phút đồng hồ, song le thế nào cũng không làm nguôi giận nhà quốc tủy, bởi vì nước Đức cũng là ngoại quốc, huống chi khổ người tôi lại thấp bé. Lại huống chi nhà quốc tủy rất chẳng ít mà ý kiến họ lại rập nhau, thành thử tôi biện giải bao nhiêu lần cũng không ăn thua, một lần, hai lần, cho đến mười lần, mười mấy lần, cả đến chính mình tôi cũng thấy là vô vị mà lại đâm bực mình nữa. Thôi được, vả lại thứ dầu keo dùng để uốn râu ở Trung-quốc cũng khó kiếm từ đó tôi để mặc kệ nó.

Sau khi để mặc kệ, hai đầu râu mép trình ra cái hiện tượng hướng về lòng trái đất, đối với mặt đất thành ra góc thẳng chín mươi độ. Quả nhiên nhà quốc tủy không nói gì nữa, hay là Trung-quốc đã được cứu rồi chẳng.

Nhưng mà tiếp đó lại chắc lấy phản cảm của nhà cải cách, ấy cũng là đáng lắm. Khi ấy tôi lại vuốt rẽ ra, một lần, hai lần, cho đến nhiều lần, cả đến chính mình tôi cũng thấy là vô vị mà lại đâm bực mình nữa.

Ước chừng trước đây bốn năm năm hoặc bảy tám năm, ngồi một mình trong hội quán, riêng buồn về cái cảnh ngộ không may của hàm râu tôi, tìm cái cớ tại sao mà nó bị tai tiếng, bỗng sực tỉnh ra, biết cái mầm họa toàn ở đầu cái nhọn hai bên của nó. Thế rồi lấy gương, kéo, lập tức xén bằng nó đi, khiến nó không vểnh lên, cũng không rủ xuống, như một chữ “nhất” viết lồi lẹ.

– A, râu của anh lại thế này rồi ?

Lúc đầu từng có người hỏi như thế.

– Ờ, ờ, râu của tôi thế ấy rồi đó.

Nhưng hấn không nói chi. Tôi không biết có phải là vì tìm không thấy hai đầu nhọn, nên không nói vào đầu được, hay là sau khi râu tôi đã “thế ấy” rồi, thì không còn gánh lấy cái trách nhiệm về Trung-quốc còn hay mất nữa. Tóm lại, tôi từ đó được thái bình vô sự thẳng đến bây giờ, cái điều bực mình là chỉ phải thường thường cắt xén mà thôi¹⁹.

19 Đại ý bài này đả kích người đương thời về mấy điểm này : căm hờn đế quốc (như Nhật-bản) mà chỉ căm hờn ở những vụn vặt có khi không đáng căm hờn (như kiểu râu vểnh lên); bảo tồn quốc túy mà lại nhận làm những cái không phải quốc túy (như kiểu râu rủ xuống); nhân đó đến nỗi nhận kẻ thù làm đồng tộc với mình (như nhận nhà Nguyên Mông-cổ là chúng ta) và vu oan cho người lương thiện (như nói Lỗ Tấn làm việc cho Nhật-bản). Trong một chuyện nhỏ là chuyện cái râu, tỏ ra cái ý thức của quốc dân là chệch lệch, nên uốn nắn lại.

Theo thể thức văn ngôn, thì bài văn này là bài không trang nhã. Bởi vậy khi nó đăng báo xong, có người chế rằng : « Lỗ Tấn lần này nói hàm râu, có lẽ lần sau nói thẳng tới cái đít như nhà văn mất dạy nọ ở Thượng-hải ». Vì trước đó

30-10-1924

(Dịch ở Phần)

TTTVLT, Sđd, tr-tr. 23-30

2) Theo chỗ chúng tôi được biết, hiện các hiệu sách ở Sài Gòn có bày bán hai cuốn :

– Tác phẩm và con người Lỗ Tấn,
Giản Chi biên dịch, Cảo Thơm xuất bản.

ở Thượng-hải đã có người làm bài phú « Phơi cái đất dưới mặt trời (Thái dương sái bi cổ phú).

Trong bài có câu « lấy câu chuyện pha trò làm câu chuyện pha trò », có lẽ Lỗ Tấn đã nói tiên tri về người ấy. Một câu chuyện tuy như là pha trò mà thực thì có ý nghĩa sâu sắc, thì phải cố mà hiểu, không được coi nó là câu chuyện pha trò. Cũng vì lời chế nhạo đó, Lỗ Tấn viết tiếp bài « Tử hàm râu nói đến cái răng », và bài « Luận về đeo mẹ nó », cũng có ý nghĩa sâu sắc lắm, nhưng ở đây chưa dịch. (LTS – Tất cả 7 chú giải trong bản dịch trên đều của người dịch.)

– Ả Q chính truyện, Giản Chi chú dịch, Cảo Thơm xuất bản.

*** Ông Hoàng Thúc Lâm, Kontum, hỏi :**

(...) Ở nơi đây rất thiếu thốn tài liệu tham khảo (...) chúng tôi chỉ nhớ mang máng một vế đối xưa trong có chữ “người đánh người » hay « người giết người, chi đó. Mong ông cho biết nguyên câu đối đó cùng xuất xứ...

(thư ngày 10 tháng 7 năm 1970)

trả lời :

Chúng tôi tìm không ra vế câu đối trong có những chữ ông nhớ. Tuy nhiên, nếu chúng tôi không lầm, thì mấy chữ

ông nhớ lõm bõm » đó nguyên là mấy chữ trong vế câu đối của Cao Bá Quát :
Trời nắng chang chang người trói người.
Sau đây, xin mượn một tài liệu của Lãng-Nhân để ông được tường :

(...) Tương truyền khi Minh-Mạng bắc tuần, Quát sang Thăng-long xem vua ngự lên hồ Tây. Nhân trời nóng bức mà xa giá chưa tới, ông cởi quần áo xuống tắm dưới hồ. Kiệu vua gần đến nơi, quân lính thấy có kẻ vô lễ, bắt lên trói lại. Quát điềm nhiên không sợ hãi, trần truồng theo người dẫn đi. Vua thấy một đứa trẻ gan góc bướng bỉnh, gọi đến hỏi. Ông xưng là học trò, gặp trời nóng bức, nên xuống hồ tắm mát.

Vua phán :

– Nếu là học trò, để ta ra cho một câu đối, hễ đối được ta sẽ tha cái tội thất

kính cho.

Vua nhân trông thấy dưới hồ, nước hồ trong veo, một con cá lớn đường đuổi bắt đàn cá bé, bèn tức cảnh:

Nước trong leo lẻo cá đớp cá.

Ông ứng khẩu đối ngay :

Trời nắng chang chang người trói người.

Vua bật cười, chẳng những tha tội, lại còn thưởng tiền.

(trích : “Giai thoại làng nho”,

Nam Chi Tùng thư, Sài-gòn, 1964,

tập II, tr-tr. 174-175.)

*** Em Trần Trung Trinh, Huế, hỏi :**

Em vừa đọc một bài báo Mỹ trong có trích dẫn 4 câu thơ Pháp (...) mà không nêu tên tác giả cùng xuất xứ. Mong ông vui lòng tìm và chép giùm em toàn bài thơ đó...

(thư ngày 18 tháng 8 năm 1970)

trả lời :

Bốn câu thơ chữ Pháp em dẫn trong thư dẫn thượng, chúng tôi tìm thấy trong bài “Bonne Justice” của nhà thơ siêu thực Pháp Paul Eluard (1895-1952). Sau đây là nguyên bản :

BONNE JUSTICE

C'est la chaude loi des hommes

Du raisin ils font du vin

Du charbon ils font du feu
Des baisers ils font des hommes

C'est la dure loi des hommes
Se garder intact malgré
Les guerres et la misère
Malgré les dangers de mort²⁰

C'est la douce loi des hommes
De changer l'eau en lumière
La rêve en réalité
EL les ennemis en frères.

20 Lưu ý em TTT : 4 câu chép trong thư em không đúng hẳn nguyên bản. Không rõ vì tờ báo Mỹ em nói đã mắc lỗi về xuyên tạc hay tại em chép sai.

Une loi vieille et nouvelle
Qui va se perfectionnant
Du fond du cœur de l'enfant
Jusqu'à la raison suprême.

(Pouvoir tout dire, 1951)

